CHÚNG TA CÙNG THẮNG

Công ty Cổ phần Vinafreight

Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10, Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

(028) 3844 6409

(028) 3848 8359

www.vinafreight.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

MỤC LỤC

05

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

07 Thông tin khái quát
09 Quá trình hình thành và phát triển
12 Các giải thưởng tiêu biểu
13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
16 Mô hình quản trị
17 Cơ cấu ộ máy quản lý
19 Các công ty con, công ty liên kết
21 Định hướng phát triển
23 Các rủi ro

27

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

29 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
31 Tổ chức và nhân sự
37 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
39 Tình hình tài chính
41 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
43 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

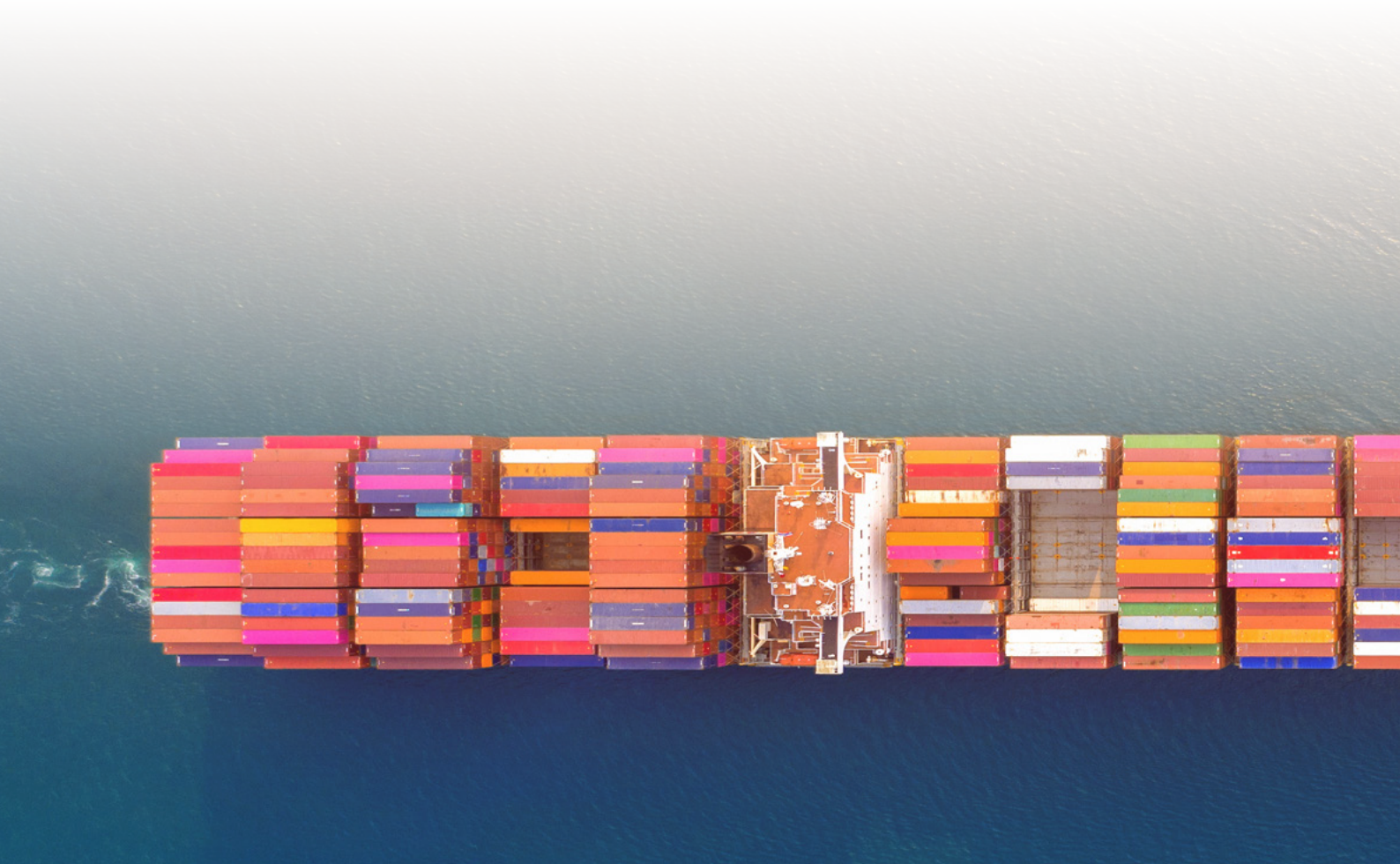

47

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

49 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
50 Tình hình tài chính
52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
53 Kế hoạch phát triển trong tương lai
55 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

57

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

59 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
61 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
62 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

63

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

65 Hội đồng quản trị
71 Ban kiểm soát
73 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

79

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính

1 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề kinh doanh chính
- Địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Cơ cấu bộ máy quản lý
- Các công ty con, công ty liên kết
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

• **Tên Công ty**	CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT
• **Tên viết tắt**	Vinafreight
• **Tên Tiếng Anh**	Vinafreight
• **Mã cổ phiếu**	VNF
• **Vốn điều lệ**	264.022.010.000 đồng
• **Trụ sở chính**	Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10, Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

• **Điện thoại**	(028) 3844 6409
• **Fax**	(028) 3848 8359
• **Email**	mngt@vinafreight.com.vn
• **Website**	www.vinafreight.com
• **Giấy chứng nhận ĐKDNX**	Số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2002, thay đổi lần thứ 15 ngày 24/12/2021

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1997

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh được thành lập.

2001

Theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công ty thực hiện cổ phần hóa chuyển Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận thành Công ty Vận tải Ngoại Thương.

2002

Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân, gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS, thực hiện chiến lược phát triển thông qua việc mở rộng chi nhánh, góp vốn liên doanh, liên kết.

2003

Công ty thành lập Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương), tại khu chế xuất Tân Thuận, tại khu công nghiệp Amata (Đồng Nai); thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hà Nội, Hải Phòng; Phòng Đại lý Hãng tàu UASC. Đồng thời, Công ty góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt-Nhật.

2004

Vinafreight góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation) với tỷ lệ góp vốn 90%; góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải Ô tô V-Truck (tỷ lệ góp vốn 9%); góp vốn thành lập Công ty TNHH Vax Global (tỷ lệ góp vốn 40%).

2005 - 2006

Công ty tăng vốn góp vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế từ 900 triệu đồng lên 13,5 tỷ đồng.

Công ty bắt đầu cung cấp trọn gói vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu cho một số khách hàng lớn từ nước ngoài. Công ty con Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế chính thức đảm nhận khai thác chuyến bay feeder hàng hóa Hồ Chí Minh, Việt Nam – Bangkok, Thái Lan. Vinafreight trở thành Công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện thuê máy bay vận tải lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa.

Cổ phiếu VNF chính thức được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

2007

Công ty chính thức trở thành trở Công ty đại chúng và tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ lên mức 56 tỷ đồng; thực hiện tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế lên 15 tỷ đồng.

2008

Vinafreight mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air và khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero.

2009

2011

Công ty con là Công ty TNHH Vector Aviation được chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa và hành khách của Hãng hàng không Jet Airways/Ấn Độ

2014

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2015

Công ty được Bộ Giao thông Vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức. Giấy phép có thời hạn hiệu lực là 05 năm kể từ ngày cấp. Ngày 06/11/2015, Tổng cục Hải Quan cấp giấy phép công nhận Đại lý làm thủ tục Hải quan. Ngày 10/11/2015, Công ty được chỉ định làm Tổng đại lý của hãng tàu Pan Continental Shipping (Hàn Quốc).

2017

Ngày 20/05/2017, Vinafreight và phòng đại lý hãng tàu PanCon đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc – Việt Nam – Thái Lan.

2018

Vinafreight tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ đồng lên hơn 83,9 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm 2.792.250 cổ phiếu; thực hiện nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết VNT Logistics từ 23,06% lên 24,78%.

2019

Địa chỉ trụ sở kinh doanh chính được thay đổi về lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM. Công ty cũng hoàn tất thủ tục giải thể cho Công ty liên kết là Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vina.

2020

Công ty đạt được nhiều giải thưởng lớn và được vinh danh trong Top công ty uy tín ngành Losgistics.

2021

Vinafreight phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 264.022.010.000 đồng.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm 2014 - 2017

Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất 4 năm liên tiếp

Năm 2017

Top 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận cao nhất Việt Nam
Top 5 Doanh nghiệp tư nhân vận tải lớn nhất Việt Nam

Năm 2020 - 2021

Vinafreight được Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với các đơn vị truyền thông đánh giá và vinh danh trong Top 10 Công ty Uy tín ngành Logistics 2 năm liên tiếp.

Năm 2013 - 2021

Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 9 năm liên tiếp do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Năm 2021, Công ty đúng thứ hạng 265/500, tăng vượt bậc so với năm 2020 (thứ hạng 387/500)

Năm 2021

Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) tiếp tục đánh giá và xếp Công ty Cổ phần Vinafreight vào TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với thứ hạng 441/500.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
5229 (Chính)	**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Hoạt động logistics**
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
5320	Chuyển phát

CÁC DỊCH VỤ CHÍNH

Công ty hoạt động trong 4 mảng chính:

1 Dịch vụ hàng không

- Vận chuyển hàng không;
- Vận chuyển kết hợp đường biển hàng không;
- Dịch vụ giao hàng tận nơi;
- Khai thuế hải quan
- Môi giới bảo hiểm hàng hóa;
- Dịch vụ chia lẻ hàng nhập khẩu;
- Giám định hàng hóa.

2 Dịch vụ đường biển

- Dịch vụ hàng nguyên container và hàng lẻ toàn thế giới;
- Dịch vụ gom hàng và chia lẻ;
- Đại lý cho người mua hàng;
- Khai thuế hải quan;
- Dịch vụ xe tải;
- Dịch vụ môi giới bảo hiểm và thẩm định hàng hóa;
- Dịch vụ hàng dự án và triển lãm.

3 Dịch vụ đại lý tàu biển

- Dịch vụ đại lý hàng hải;
- Dịch vụ quản lý, thuê tàu và môi giới hàng hải;
- Kiểm hàng và dịch vụ tàu biển;
- Dịch vụ giá trị gia tăng;
- Dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho;
- Tư vấn về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất.

4 Dịch vụ giá trị gia tăng

- Dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho;
- Tư vấn về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Vinafreight có cơ sở kinh doanh ở Tp.Hồ Chí Minh, Bình Dương, **Hà Nội, Hải Phòng.**

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và có quyền quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính kế tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông như quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ, quyết định cơ cấu, tổ chức của Công ty, quyết định việc thành lập Công ty con, chi nhánh.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Là cơ quan điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

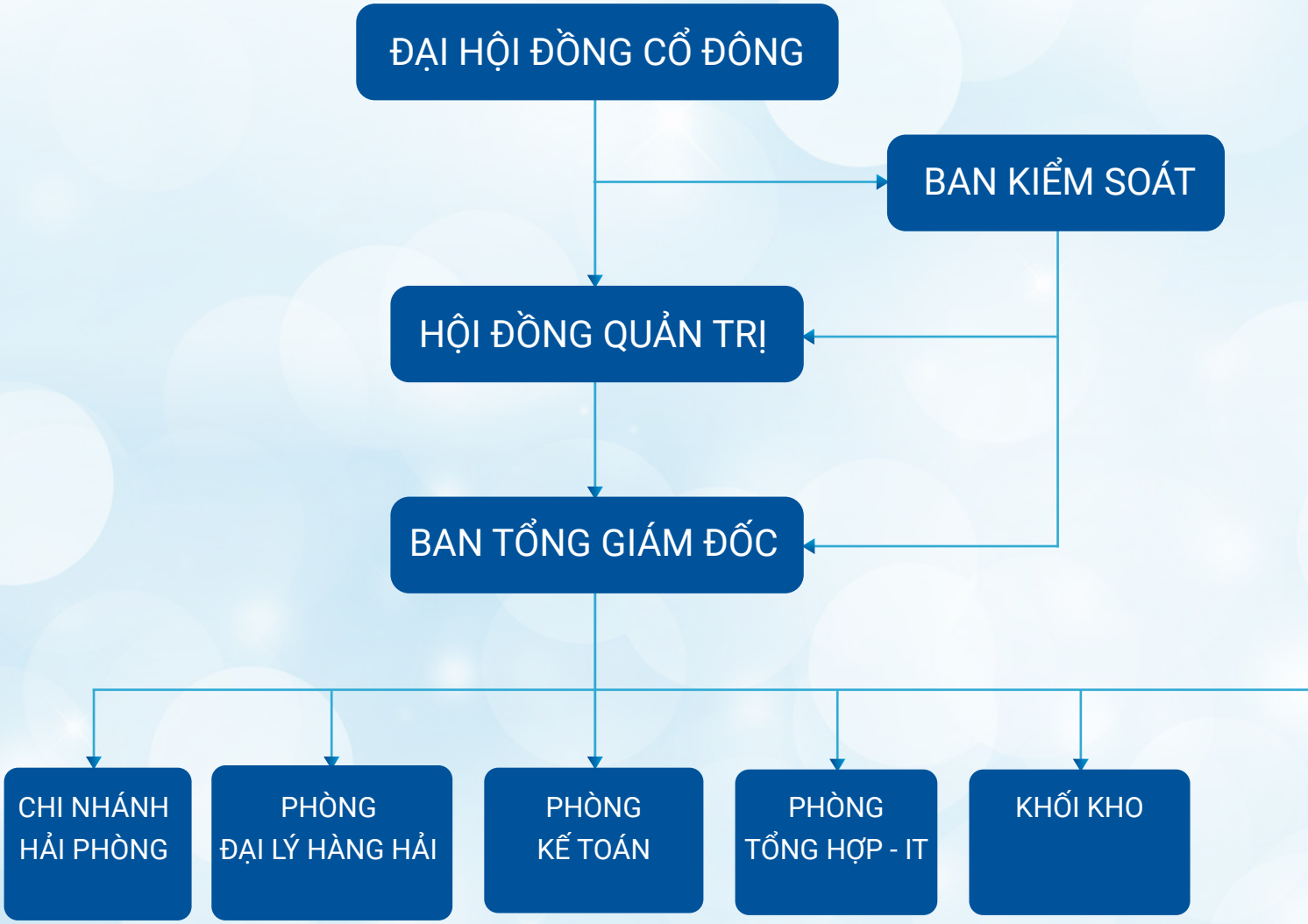

PHÒNG DỊCH VỤ LOGISTICS
BỘ PHẬN HÀNG DỰ ÁN
PHÒNG DỊCH VỤ XUẤT HK
BỘ PHẬN BÁN HÀNG
BỘ PHẬN HIỆN TRƯỜNG
BỘ PHẬN CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH
BỘ PHẬN CHỨNG TỪ
BỘ PHẬN HIỆN TRƯỜNG
BỘ PHẬN CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
PHÒNG ĐƯỜNG BIỂN
BỘ PHẬN CHỨNG TỪ
BỘ PHẬN HIỆN TRƯỜNG
BỘ PHẬN CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VÉC TƠ QUỐC TẾ (VECTOR AVIATION)

- **Địa chỉ:** 39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Dịch vụ vận tải hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 40,5 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 90%

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI CON ĐƯỜNG VIỆT (VIETWAY)

- **Địa chỉ:** Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay
- **Vốn điều lệ thực góp:** 5,62 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 45,90%

CÔNG TY TNHH HẬU CẦN TOÀN CẦU SFS VIỆT NAM

- **Địa chỉ:** Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Dịch vụ giao nhận hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 1 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 100%

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG (VINATRANS ĐÀ NẴNG)

- **Địa chỉ:** 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Dịch vụ vận tải hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 8,78 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 27,89%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG (VNT LOGISTICS JSC)

- **Địa chỉ:** Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giams, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Dịch vụ vận tải hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 69,37 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 24,78%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTIC THĂNG LONG

- **Địa chỉ:** Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dịch vụ logistics
- **Vốn điều lệ thực góp:** 50,33 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 25%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTIC THĂNG LONG

- **Địa chỉ:** 39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Dịch vụ vận tải hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 40,5 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 90%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC

- **Địa chỉ:** Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 136,07 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VĨNH LỘC

- **Địa chỉ:** Một phần Lô I.9, Đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- **Vốn điều lệ thực góp:** 4 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của VNF:** 20%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Vinafreight luôn đặt lợi ích khách hàng là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Với triết lý kinh doanh **"Chúng ta cùng thắng",** Công ty hoạt động với tư duy luôn hướng đến khách hàng, vì khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty luôn hướng đến chiến lược kinh doanh linh hoạt, không ngừng đổi mới với mục tiêu lớn nhất là:

"Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên quyết tâm xây dựng Công ty cổ phần Vinafreight trở thành một tập đoàn Logistics lớn mạnh trên cơ sở ổn định và hiệu quả."

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty duy trì ổn định các dịch vụ hàng không, phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập. Giữ vững và tăng hơn nữa dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới, đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Tập trung vào dịch vụ Logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng, Công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm. Duy trì thế mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới.

- Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu bằng đường biển, hàng không;
- Xây dựng thương hiệu Vinafreight ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế;
- Trong định hướng phát triển chung, Vinafreight hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của Vinafreight luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, việc đảm bảo rằng những hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển kinh doanh bền vững và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để ổn định vị trí hàng đầu của Vinafreight trong các doanh nghiệp logistics Việt Nam, xây dựng đội ngũ nhân viên đủ kinh nghiệm và bản lĩnh kinh doanh trong tình hình cạnh tranh và hội nhập mới, qua đó đóng góp tích cực cho kinh tế và xã hội Việt Nam trên cơ sở 3 nhóm đối tượng Doanh nghiệp – Thị trường – Cộng đồng xã hội. Chúng tôi luôn chú trọng đến trách nhiệm và lợi ích mang đến cho xã hội bên cạnh lợi nhuận của Công ty. Vinafreight luôn đảm bảo rằng những hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội, mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội và góp phần phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, Vinafreight luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Công ty luôn chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ nguồn nước và nguồn tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và khó lường, nền kinh kinh tế thế giới chứng kiến nhiều biến động đẩy nhiều quốc gia đi vào suy thoái. Kết thúc năm 2021, GDP Việt Nam ghi nhận tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức thấp nhất trong giai đoạn 2011 – 2021. Tuy nhiên, với chương trình tiêm chủng vaccine phòng chống dịch Covid-19 và hiệu quả của các gói kích thích kinh tế, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng.

Ngành Logistic Việt Nam cũng đối mặt với nhiều lực cản bởi dịch bệnh. Các đợt bùng phát dịch liên tiếp bào mòn sức chống chịu của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Vinafreight nói riêng. Tình trạng chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy, mất cân đối cung – cầu, hàng hóa lưu kho, lưu cảng càng nhiều, thay đổi lịch trình,... diễn ra thường xuyên.

Với ngành nghề kinh doanh liên quan chủ yếu đến các hoạt động xuất nhập khẩu, tăng trưởng kinh tế và thương mại của đất nước là động lực chủ yếu cho tăng trưởng và phát triển của Vinafreight. Những khó khăn phát sinh đối với nền kinh tế trong năm 2021 đã khiến cho Vinafreight phải đứng trước một thách thức lớn.

Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Vinafreight thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô, lập kế hoạch để ứng phó kịp thời với các biến động xảy ra. Đồng thời, Công ty chủ động nghiên cứu thị trường để có nhiều dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

RỦI RO TỶ GIÁ

Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro không thể tránh khỏi trong hoạt động cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và bán vé máy bay quốc tế của Công ty vì đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD. Trong năm 2021, cặp tỷ giá USD/VND vận động theo xu hướng giảm nhờ vào chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước tạo tác động tích cực đến nhập khẩu, bảo đảm cung – cầu của nền kinh tế ổn định, không bị đứt gãy trong bối cảnh dịch bệnh. Tuy nhiên, nếu tỷ giá giảm trong thời gian dài thì lợi nhuận xuất khẩu sẽ giảm dần, lượng hàng xuất khẩu sẽ khó khăn hơn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Vinafreight trong thời gian tới.

Để quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá, Công ty luôn lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm giá thấp. Đồng thời, Vinafreight cũng thực hiện dự báo tỷ giá, thực hiện các hợp đồng phái sinh,...

RỦI RO PHÁP LUẬT

Mọi hoạt động kinh doanh của các Công ty trong nền kinh tế đều chịu tác động của pháp luật và Vinafreight cũng không ngoại lệ. Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty Cổ phần và có cổ phiếu niêm yết ở Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Vinafreight chịu sự tác động của các luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật kế toán, các Luật Thuế,... Bên cạnh đó, Công ty còn chịu tác động bởi các văn bản pháp luật liên quan đến đặc thù ngành nghề các như Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, Luật Biển Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, Luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt,... và Nghị định, Thông tư liên quan.

Tuy nhiên, các Luật, Bộ luật này thường xuyên thay đổi để phù hợp với sự phát triển và hội nhập của đất nước. Đặc biệt Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực và ngày 01/01/2021 gây nhiều khó khăn cho Vinafreight trong việc thích nghi và thay đổi.

Do đó, Công ty luôn tập trung cập nhật những thay đổi này để kịp thời nắm bắt quy định, xây dựng một hệ thống quản trị, kinh doanh hiệu quả và khoa học, phù hợp hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và phát triển tại Việt Nam và quốc tế.

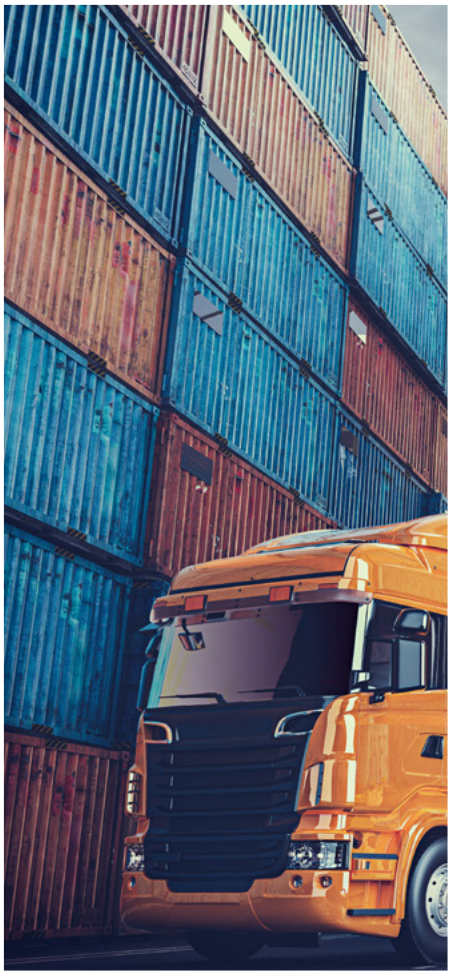

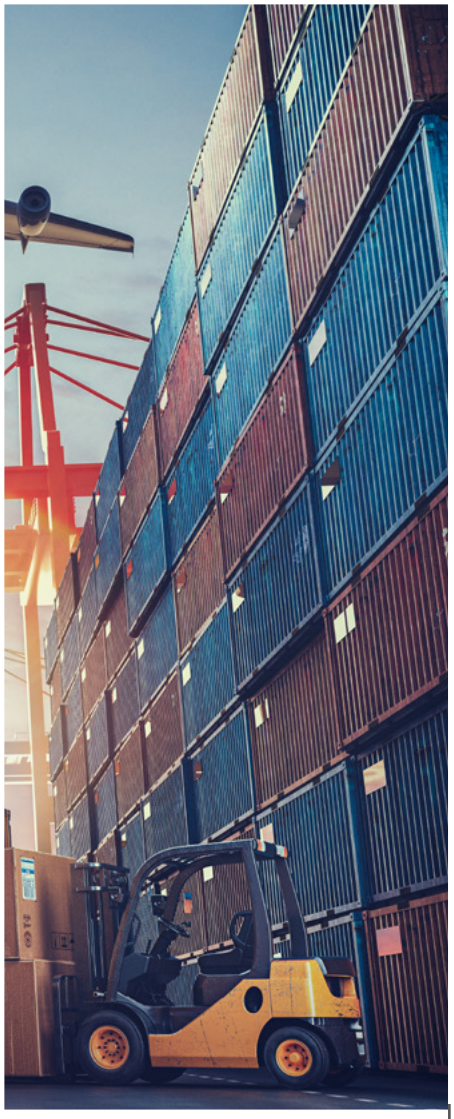

CÁC RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH

Do Việt Nam là nền kinh tế mở và đang trong quá trình hội nhập nên thời gian gần đây, cạnh tranh ngành logistics giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước chưa bao giờ giảm sức nóng. Các doanh nghiệp nước ngoài với quy mô lớn, các đội tàu hiện đại, nguồn vốn mạnh, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ, trình độ nhân lực cao, kinh nghiệm chinh chiến thị trường đa quốc gia,... chiếm thị phần lớn khoảng 80%. Trong khi đó, các doanh nghiệp nội địa chỉ giành được "miếng bánh" thị phần nhỏ do sự phân mảnh và thiếu liên kết giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics, chi phí vận tải cao,... Chính vì vậy, nếu không thay đổi, các doanh nghiệp trong nước trong đó có Vinafreight sẽ mất sức cạnh tranh và mất dần thị phần.

Nhận thức được điều đó, Ban lãnh đạo Vinafreight đã nỗ lực đẩy mạnh nghiên cứu công nghệ, nghiên cứu thị trường, áp dụng nhiều chính sách marketing để định vị thương hiệu, đào tạo nhân lực chuyên nghiệp. Đồng thời, với ưu thế hiểu rõ khách hàng nội địa, Vinafreight cũng đang có nhiều cơ hội để tăng doanh thu, lợi nhuận và gia tăng năng lực cạnh tranh.

RỦI RO VẬN TẢI VÀ QUẢN LÝ KHO

Hiện nay, Vinafreight có 1.500 m2 kho lạnh, 3.000 m2 hệ thống kho CFS, 10.000 m2 kho ngoài trời, 6.000 m2 kho trong nhà phục vụ cho hoạt động gom hàng lẻ, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu và cho thuê kho bãi nên đòi hỏi Công ty cần phải có quy trình vận hành và quản lý kho bãi rõ ràng. Các rủi ro liên quan đến vấn đề bảo quản sản phẩm an ninh hệ thống kho, sai sót trong sắp xếp lựa chọn vị trí kho, giá kệ không đúng với đặc tính sản phẩm,... sẽ ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Vinafreight.

Bên cạnh đó, hoạt động giao nhận vận tải cũng phát sinh một số rủi ro như hỏng, tai nạn đối với phương tiện đang làm việc, không vận chuyển theo đúng thông số kỹ thuật của sản phẩm, lắp đặt không chính xác,... gây nhiều thiệt hại cũng như tiến độ thực hiện công việc của Công ty.

Để đảm bảo hoạt động vận tải và kho vận hiệu quả, Vinafreight thường xuyên kiểm tra hệ thống máy móc, phương tiện, rà soát từng khâu vận hành, tăng cường an ninh kho kết hợp với công nghệ hiện đại. Qua đó, Công ty có thể tìm ra, đánh giá, theo dõi và giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra, hàng hóa của khách hàng được đảm bảo an toàn ở mức cao nhất.

RỦI RO THANH TOÁN TỪ CÁC ĐỐI TÁC

Đặc thù của công ty kinh doanh trong lĩnh vực logistic là thường xuyên phải chi trả trước cho các đơn vị hàng không và tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Đây là một bất lợi rất lớn cho Vinafreight vì vốn của Công ty bị chiếm dụng và tồn tại rủi ro rất lớn. Một khi khách hàng không có khả năng thanh toán kịp thời và đầy đủ các khoản này, tình hình tài chính của Công ty sẽ bị ảnh hưởng. Mặt khác, việc thanh toán sẽ có nhiều khó khăn nếu trong quá trình vận chuyển phát sinh sai sót.

Do đó, Vinafreight nghiên cứu rất kỹ rủi ro này và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu định kỳ nhằm xác định đúng khả năng thanh toán của khách hàng cũng như cập nhật kịp thời tình hình tài chính của Công ty. Đồng thời, Công ty yêu cầu khách hàng ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Từ đó, Ban lãnh đạo có biện pháp hợp lý để vừa nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ, vừa giảm thiểu tối đa rủi ro thanh toán.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài ra, Công ty còn phải gánh chịu các rủi ro bất khả kháng như: dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,... Các rủi ro này tuy ít có khả năng xảy ra nhưng một khi xuất hiện sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản cũng như nguồn nhân lực của Công ty. Chính vì vậy, Vinafreight luôn nỗ lực tham gia các hợp đồng bảo hiểm để hạn chế tối đa những tác động mà rủi ro này gây ra.

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		% (+/-) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu cước vận tải quốc tế	2.223.415	89,96%	4.655.255	94,92%	109,37%
Doanh thu bán vé máy bay	65.564	2,65%	10.158	0,21%	-84,51%
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	152.331	6,16%	191.713	3,91%	25,85%
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	30.356	1,23%	47.015	0,96%	54,88%
Tổng doanh thu	**2.471.666**	**100%**	**4.904.142**	**100%**	**98,41%**

Năm 2021 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới suy thoái nghiêm trọng, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

Tại Việt Nam, làn sóng dịch bệnh lần thứ tư bùng phát và kéo dài trong 4 tháng từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 10 đã có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế, làm đứt gãy chuỗi cung ứng logistics. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội", kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực vào những tháng cuối năm và tiếp tục duy trì sự tăng trưởng.

Kết thúc năm 2021, tổng doanh thu của Vinafreight ghi nhận 4.904 tỷ đồng, tăng 98,41% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu doanh thu có xu hướng tăng tỷ trọng doanh thu cước vận tải quốc tế và giảm tỷ trọng các mảng còn lại.

- Doanh thu cước vận tải quốc tế đạt 4.655,26 tỷ đồng, tăng mạnh 109,37% so với năm 2020 và chiếm 94,92% tỷ trọng tổng doanh thu do tình trạng thiếu container, giá cước quốc tế năm 2021 tăng liên tục.
- Doanh thu bán vé máy bay đạt 10,16 tỷ đồng, giảm mạnh 84,51% so với năm 2020 và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm, thực hiện lệnh giãn cách xã hội, hạn chế đi lại của Chính phủ, nhu cầu đi lại của khách hàng giảm.
- Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa đạt 191,71 tỷ đồng, tăng 25,85% so với năm 2020 và chiếm 3,91% tỷ trọng tổng doanh thu do xu hướng số hóa nền kinh tế tạo động lực thương mại điện tử, kéo theo hoạt động giao nhận hàng hóa tăng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác (như dịch vụ giá trị gia tăng, cho thuê kho bãi) đạt 47,02 tỷ đồng, tăng 54,88% so với năm 2020 và chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu tổng doanh thu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2021	% Thực hiện
1	Tổng doanh thu	2.300.000	4.904.142	213,22%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	300	118.277	39425,75%

Năm 2021, Ban lãnh đạo Vinafreight đặt ra kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất là 2.300 tỷ đồng và tổng lợi nhuận trước thuế là 300 triệu đồng. Trong năm, tuy dịch bệnh bùng phát nhưng do giá cước hàng không tăng cao và sản lượng hãng hàng không Etihad Airways (do Vector Aviation làm tổng đại lý khai thác hàng hóa) lớn nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng đột biến. Năm 2021 ghi nhận tổng doanh thu của Vinafreight là 4.904 tỷ đồng vượt 213,22% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 118 tỷ đồng, tăng vượt bậc so với kế hoạch là 300 triệu đồng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2021

Không có

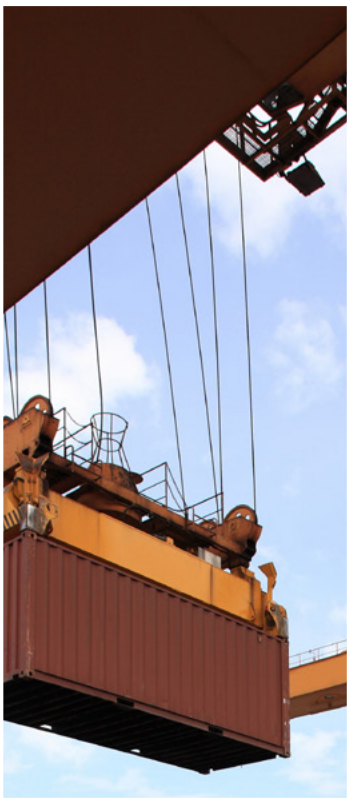

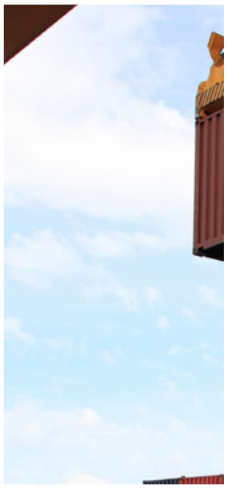

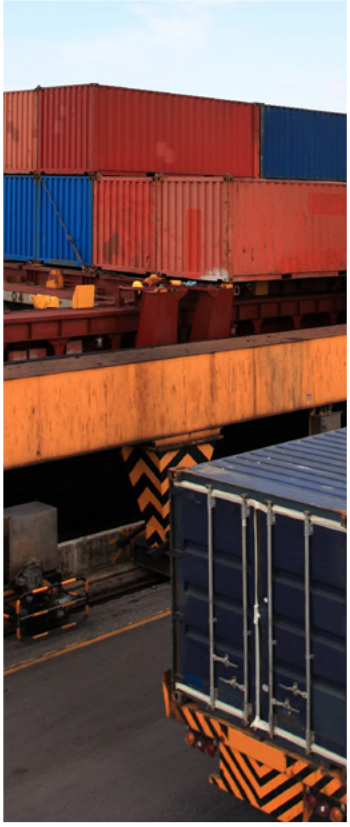

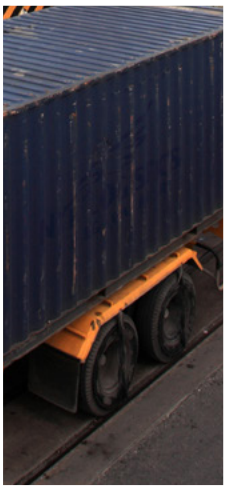

ÔNG NGUYỄN BÍCH LÂN

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác :

1988 - 2001 : Công tác tại CTCP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam - Vinatrans

2002 - nay : Công tác tại CTCP Vận tải Ngoại thương - Vinafreight, Thành viên HĐQT CTCP Vận tải miền Trung

2018 - nay : Thành viên HĐQT CTCP cảng Mipec, Thành viên HĐQT CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT logistics JSC), Thành viên HĐQT CTCP Transimex.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT tại CTCP Vận tải miền Trung
- Thành viên HĐQT tại CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
- Thành viên HĐQT tại CTCP Cảng Mipec
- Thành viên HĐQT tại CTCP Transimex

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Sở hữu cá nhân: 244.108 cổ phần, chiếm 0,92% VĐL

ÔNG LÊ DUY HIỆP

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

1990 - 1998	:	Công tác tại Công ty Cung ứng Tàu biển TP.HCM
1998 - 2004	:	Công tác tại CTCP Dịch vụ Hàng Hải
2004 - 2009	:	Giám đốc điều hành - Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng Hải
2004 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Transvina
2009 - nay	:	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc CTCP Transimex
2012 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
2016 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Cholimex
2018 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng Hải
- Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc CTCP Transimex
- Thành viên HĐQT CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
- Thành viên HĐQT CTCP Cholimex

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 16.800 cổ phần, chiến 0,06% VĐL

ÔNG CHU VIỆT CƯỜNG

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

1992 - 1994	:	Research Fellow Viện chiến lược Đông Nam Á
1994 - 1995	:	Trợ lý TGĐ Tập đoàn Marubeni Nhật Bản
1996 - 1999	:	Phó TGĐ Trung tâm Phát triển Kinh tế Xã hội Việt Nam
2000 - 2006	:	Giám đốc khối Ebanking & Retail Banking Ngân hàng ANZ
2006 - 2008	:	Tổng Giám đốc BNP Paribas-Prevoir JV
2008 - 2009	:	Phó TGĐ công ty TNHH Bảo hiểm Prudential
2009 - nay	:	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ CTCP Sovico
2011 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Hàng không Vietjet
Năm 2013	:	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đại Á
2012 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
2013 - nay	:	Thành viên HĐQT Ngân hàng HDBank

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT/Phó TGĐ CTCP Sovico;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet;
- Thành viên HĐQT Ngân hàng HDBank

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 16.800 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL

ÔNG NGUYỄN HUY DIỆU

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

1987 - 2002	:	Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh – Vinatrans
2002 - 2008	:	Trưởng phòng Nhập Hàng không CTCP Vinafreight
2008 - 2017	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight
2017 - 2020	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight
2020 - nay	:	Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight
2009 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Konoike Vina
2017 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Vận tải Transimex, Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Kinoike Vina
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 18.453 cổ phiếu, chiếm 0,07% VĐL

ÔNG NGUYỄN ANH MINH

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

1998 - 1999	:	Nhân viên kinh doanh Công ty Liên doanh Malaya Việt Nam
1999 - 2003	:	Nhân viên kinh doanh, trưởng bộ phận kinh doanh Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh – Vinatrans
2003 - 2007	:	Phó phòng Hàng Không, Trưởng phòng sale Hàng Không Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (nay là CTCP Vinafreight)
2007 - 2009	:	Trưởng phòng phân tích kinh doanh, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (nay là CTCP Vinafreight)
2009 - 2014	:	Giám đốc Công ty TNHH Con đường Việt – Vietway
Năm 2019	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Transimex
2019 - nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
2020 - nay	:	Phó Giám đốc CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 16.852 cổ phiếu, chiếm 0,06% VĐL

BÀ LÊ HOÀNG NHƯ UYÊN

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác :

1996 - 2006	:	Nhân viên kinh doanh của phòng đại lý hãng tàu Zim – Gold Star Lines do Công ty Vinatrans làm đại lý
Năm 2003	:	Tổ trưởng tổ sales của hãng tàu Gold Star Lines
2007 - 2014	:	Phó trưởng phòng Logistics - Vận Tải Quốc tế, trực thuộc Công ty Vinatrans, Bí thư chi bộ Đảng phòng Vận Tải Quốc tế, nhiệm kỳ 2009-2018
2015 - 2021	:	Trưởng phòng Logistic – Vận Tải Đa Phương thức trực thuộc Công ty Vinatrans
2021 - nay	:	Tổng Giám đốc CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Công ty Vinatrans), Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT Công ty CP Vinatrans Đà Nẵng;
- Thành viên HĐQT Công ty CP VNT Logistics.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

ÔNG NGUYỄN NGỌC NHIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Cử nhân Ngoại thương,
Cử nhân Hóa tổng hợp

Quá trình công tác :

1993 - 1998	:	Nhân viên kinh doanh phòng đại lý và Môi Giới Hàng Hội, Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
1998 - 2003	:	Nhân viên kinh doanh, Phó trưởng phòng Vận tải Quốc tế, Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
2003 - 2004	:	Phụ trách phòng đại lý Zim Logistics, Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
2004 - 2005	:	Trưởng Ban đào tạo Công ty TNHH TUV Rheinland Vietnam
2005 - nay	:	Công tác tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc-tơ Quốc tế
2020 - nay	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc-tơ Quốc tế

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 472 cổ phiếu, chiếm 0,002% VĐL

BÀ LÊ THỊ NGỌC ANH

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác :

1997 - 1998	:	Công tác tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng mới
1998 - 2001	:	Công tác tại Công ty TNHH Việt Đan
2001 - 2002	:	Công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. HCM (Vinatrans)
2002 - 2010	:	Phó phòng Kế toán CTCP Vinafreight
2017 - nay	:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Transimex
2019 - nay	:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Logistics Vinalink
2010 - nay	:	Kế toán trưởng CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Transimex;
- Thành viên Ban kiểm soát CTCP Logistics Vinalink.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 31.820 cổ phiếu, chiếm 0,12% VĐL

ÔNG LÊ VĂN HÙNG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác :

2009 - 2018	:	Kế toán trưởng CTCP Transimex
2016 - nay	:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
2017 - nay	:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Vinafreight
2018 - nay	:	Giám đốc Tài chính CTCP Transimex
2019 - nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn;
- Giám đốc Tài chính CTCP Transimex;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Bến Thành.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

BÀ PHAN PHƯƠNG TUYỀN

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác :

1992 - 1996	:	Phó Phòng Kế toán Công ty Điện tử tin học Seatic
1996 - 1997	:	Kế toán Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP .HCM – Vinatrans
1997 - 2015	:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina)
2012 - nay	:	Thành viên BKS CTCP Vinafreight
2016 - nay	:	Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina)

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 16.474 cổ phiếu, chiếm 0,06% VĐL

BÀ NGUYỄN HỒNG KIM CHI

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Tín dụng

Quá trình công tác :

1996 - 2018	:	Phó phòng Kế toán CTCP Transimex
2016 - nay	:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Vinafreight
2018 - nay	:	Kế toán trưởng CTCP Transimex

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Kế toán trưởng CTCP Transimex

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ chuyên môn**	**243**	**100%**
1	Đại học và trên đại học	131	53,91%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	54	22,22%
3	Lao động phổ thông	58	23,87%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**243**	**100%**
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	169	69,55%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	70	28,80%
3	Hợp đồng không thời hạn	4	1,65%

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn

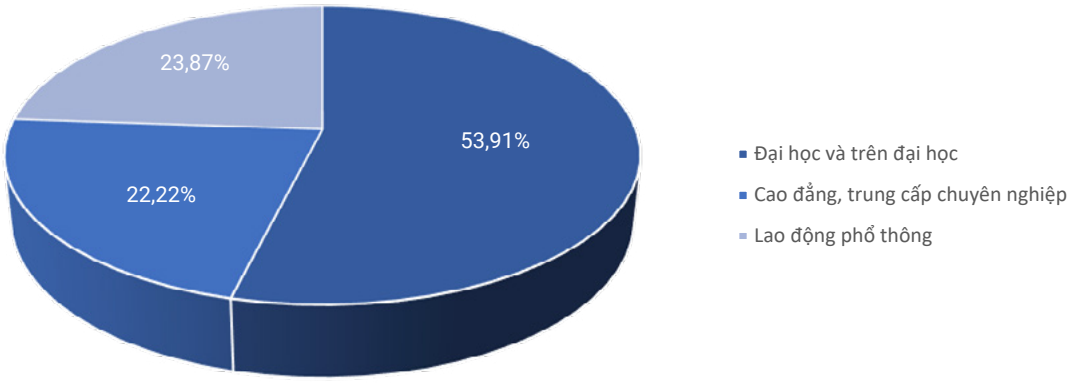

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng lao động

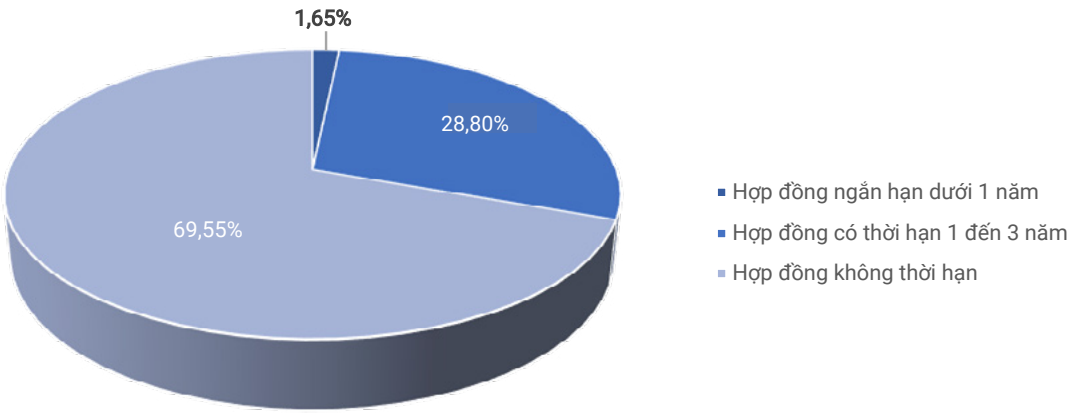

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Chính sách và hoạt động đào tạo của Vinfrieght lấy người người lao động làm trọng tâm, nỗ lực thúc đẩy tinh thần học tập chủ động lâu dài và lan rộng trong nội bộ Công ty. Hằng năm, Vinafrieght thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho mọi cấp cán bộ công nhân viên như các khóa học về sản phẩm và dịch vụ, khóa huấn luyện kỹ năng thuyết phục khách hàng cho nhân viên bán hàng; các khóa học về tin học văn phòng cho nhân viên tài chính kế toán, hành chính; khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý doanh nghiệp cho các cán bộ quản lý,... Các khóa đào tạo thường hướng đến phát triển con người cũng như nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự và đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty,

Về tuyển dụng

Các nhân tố về thu hút người tài có năng lực, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật và sẵn sàng hợp tác được Vinafreight đặc biệt coi trọng. Chính sách tuyển dụng được công khai, minh bạch, đúng trình tự với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng phù hợp từng vị trí, chức danh. Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp rõ ràng.

Môi trường công việc

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực và khả năng sáng tạo của nhân viên. Hiểu được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện tốt nhất để xây dựng môi trường làm việc năng động, an toàn, thân thiện.

Về lương, thưởng

Chính sách lương thưởng của Vinafreight có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động. Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Lao động và các cam kết với người lao động. Người lao động được trả lương theo cơ chế rõ ràng. Công ty đã cải tiến chính sách lương, thưởng theo hướng chú trọng việc đánh giá kết quả thực hiện công việc để trả lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng hoàn thành nhiệm vụ, thưởng lễ, Tết, thưởng phòng trào thi đua,...

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của từng nhân viên. Chính sách phúc lợi của Vinafreight liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động gắn kết với nhau. Công ty luôn có khoản hỗ trợ và quà tặng cho người lao động khi có các sự kiện lễ, Tết, hiếu hỷ,... Các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe cho người lao động đều được thực hiện đầy đủ. Ngoài ra, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao thường xuyên được tổ chức nhằm xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2021, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec, Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc

Các Công ty con, Công ty liên kết

» Hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec vẫn được tiếp tục đẩy mạnh. Năm 2021 và dự kiến năm 2022 vẫn lỗ theo kế hoạch;

» Do dịch bệnh Covid-19 bùng phát đợt 4 trong năm 2021 nên việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc bị chậm lại ngoài dự kiến của kế hoạch.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% (+/-) 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	917.042	1.370.675	49,47%
2	Doanh thu thuần	2.468.752	4.895.878	98,31%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.713	118.303	762,70%
4	Lợi nhuận khác	1.175	-26	-102,21%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.888	118.277	694,45%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.557	89.196	942,32%
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL (%)	5%	25% (*)	-

(*): Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL năm 2021 dự kiến là 25% (gồm 5% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu) và sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Trước biến động của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của Công ty ghi nhận kết quả khả quan nhờ nỗ lực của ban điều hành và sự đoàn kết của toàn thể CBCNV. Năm 2021, doanh thu thuần của Vinafreight đạt 4.895,88 tỷ đồng tăng 98,3% so với năm 2020 do nhu cầu và giá cước vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng. Từ đó, tỷ lệ hoa hồng trên cước vận tải quốc tế cũng tăng theo. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Vinafreight ghi nhận kết quả vượt bậc với 118,3 tỷ đồng tăng 762,7% so với cùng kỳ chủ yếu do hoạt động kinh doanh tăng trưởng, tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn chi phí. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 89,2 tỷ đồng 942,3% so với năm 2020.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	Lần	1,09	1,39
Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,09	1,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	61,27	55,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	158,19	126,21
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	Vòng	7,87	8,68
Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	Vòng	3,02	4,28
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,35	1,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,41	18,56
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,05	7,80
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,56	2,42

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán ngắn hạn của Vinafreight đều tăng. Do Công ty không có hàng tồn kho nên hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh bằng nhau, tăng từ 1,09 lần lên 1,39 lần. Tại ngày 31/01/2021, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.057,4 tỷ đồng tăng 73,98% so với cùng kỳ chủ yếu do các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tăng 6,6 lần so với cùng kỳ năm trước và khoản phải thu ngắn hạn hạn của khách hàng tăng 1,13 lần. Nợ ngắn hạn đạt 758,6 tỷ đồng, tăng 36,41% so với năm 2020 do khoản phải trả người bán tăng 16,63% so với cùng kỳ và khoản vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động tăng 88,92% so với năm 2020. Tuy nhiên, tốc độ tăng tài sản ngắn hạn nhanh hơn nợ ngắn hạn nên hệ số về khả năng thanh toán tăng.

ĐVT: Lần

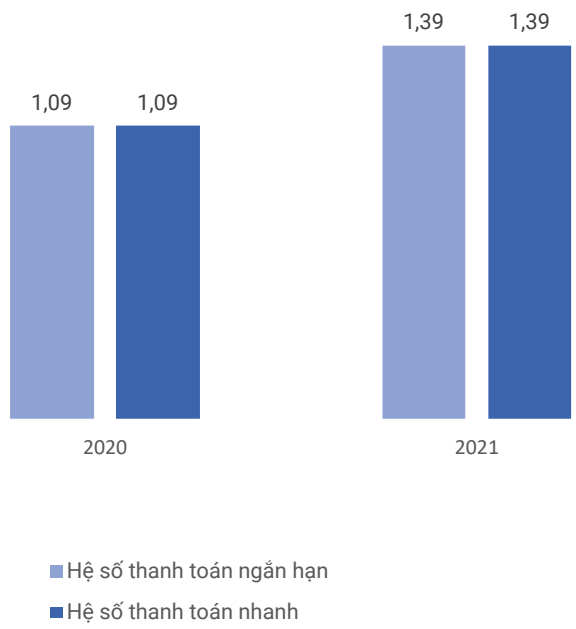

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

ĐVT: %

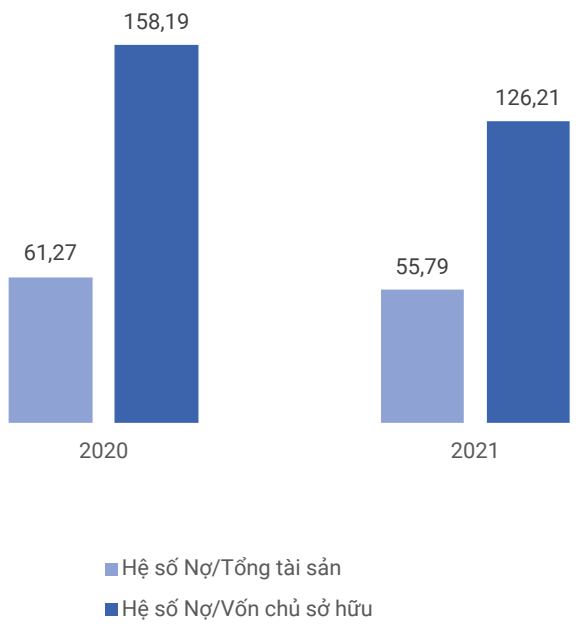

Năm 2021, tổng nợ của Vinafreight đạt 764,75 tỷ đồng, tăng 36,11% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ các khoản tăng của nợ ngắn hạn. Tổng tài sản sản Công ty tại ngày kết thúc năm đạt 1.370,68 tỷ đồng, tăng 49,47% so với năm 2020 do các khoản phải thu ngắn hạn tăng 93,25% và phát sinh khoản đầu tư 14,87 tỷ vào trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành. Vốn chủ sở hữu đạt 605,92 tỷ đồng, tăng 70,6% so với năm 2020 do trong năm Công ty tăng 180 tỷ vốn cổ phần qua 2 đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Chính vì tốc độ tăng của tổng nợ chậm hơn tốc độ tăng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu nên hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 61,27% còn 55,79% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 158,19% còn 126,21%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Doanh thu thuần của Công ty đạt 4.895, 88 tỷ đồng tăng 98,31% so với năm 2020 chủ yếu do tăng khoản thu từ cước vận tải quốc tế. Khoản phải thu của Công ty đạt 743,36 tỷ đồng, tăng 93,25% so với cùng kỳ do khoản phải thu khách hàng tăng 113,23% so với năm 2021 và khoản ký quỹ bảo lãnh ngân hàng đạt 190,88 tỷ đồng tăng 81,11% so với năm trước. Bên cạnh đó, khoản phải thu của Vinafreight chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản với 54,23% nên khoản phải thu tăng dẫn đến tổng tài sản tăng 49,47%.

Vì tốc độ tăng doanh thu thuần tăng nhanh hơn tốc độc tăng bình quân khoản phải thu và tổng tài sản nên vòng quay khoản phải thu của Vinafreight tăng từ 7,87 vòng lên 8,68 vòng cho thấy khả năng thu hồi nợ của Công ty tốt, vòng quay tổng tài sản tăng từ 3,02 vòng lên 4,28 vòng.

ĐVT: Lần

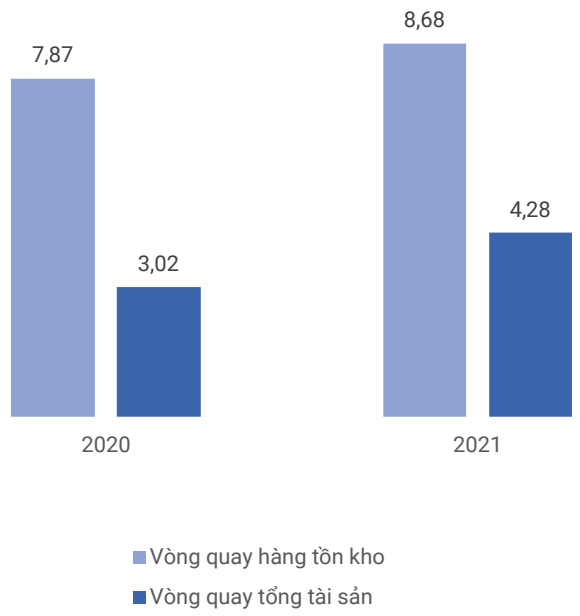

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2021, hoạt động kinh doanh của Vinafieight khởi sắc vì giá cước vận tải hàng hóa quốc tế cùng với tỷ lệ hoa hồng được nhận tăng. Chính vì vậy, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2021 lần lượt tăng 98,31% và 942,32%. Các hệ số về khả năng sinh lợi của Công ty đều khả quan:

» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 1,82%, tăng 1,47% so với năm 2021;

» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 18,56%, tăng 16,15% so với năm 2021;

» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân đạt 7,80%, tăng 6,75% so với năm 2021;

» Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần đạt 2,42% tăng 1,86% so với năm 2021.

ĐVT: %

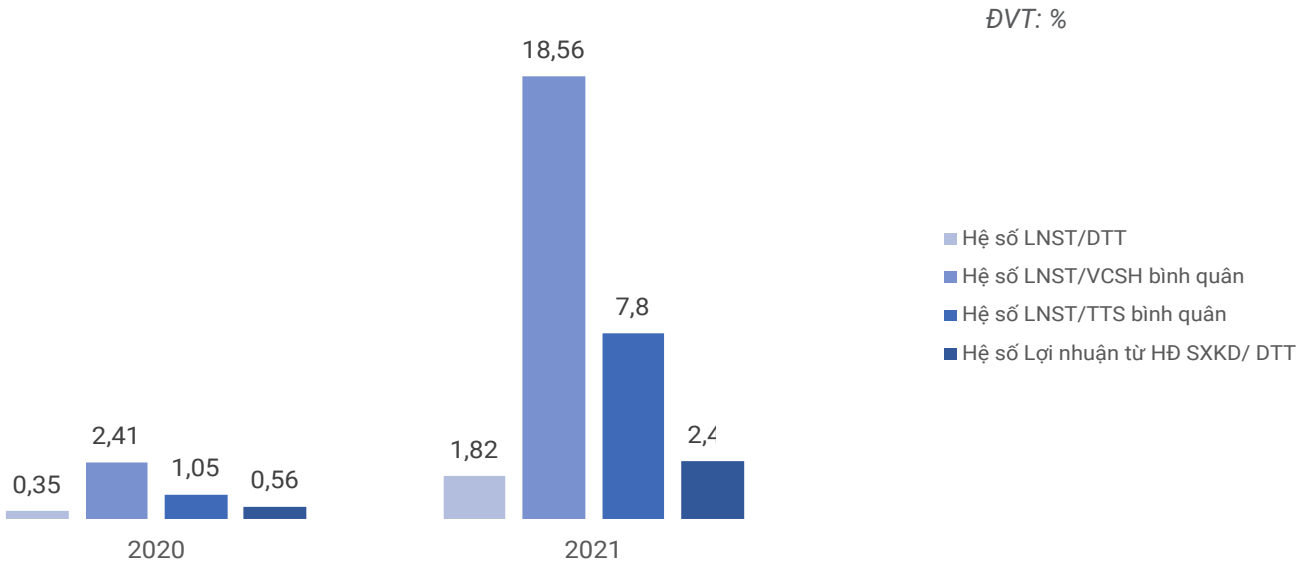

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	26.402.201 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	26.386.701 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	:	15.500 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	25.014.088 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	:	1.388.133 cổ phiếu (*)
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần

(*): Ngày 24/3/2022, số CP này đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Trong nước**	11.398.125	113.981.250.000	**43,17%**
1	Cá nhân	4.053.686	40.536.860.000	15,35%
2	Tổ chức	7.344.439	73.444.390.000	27,82%
II	**Nước ngoài**	**76.543**	**765.430.000**	**0,29%**
1	Cá nhân	54600	546.000.000	0,21%
2	Tổ chức	21.943	219.430.000	0,08%
	Tổng cộng	**26.402.201**	**264.022.010.000**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (**)

(**):Theo Công văn số 9100/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Vinafreight.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Công ty Cổ phần Transimex	172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	14.498.804	54,95%
2	Công ty Cổ phần Quản Lý và Phát triển Bất động sản Conasi	58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q1, TpHCM	3.465.787	13,13%
3	Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)	406 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM	2.872.800	10,89%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm, Công ty thực hiện 2 đợt phát hành tăng vốn điều lệ như sau:

ĐVT: Đồng

Thời điểm	VCSH trước phát hành	VCSH tăng thêm	VCSH sau phát hành	Hình thức phát hành
04/2021	83.922.500.000	167.535.000.000	251.457.500.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
11/2021	251.457.500.000	12.564.510.000	264.022.010.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Hầu hết các phương tiện vận chuyển hàng hóa đều kéo theo sự gia tăng chất thải. Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Nhận thức được điều đó, Vinafreight luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như dùng vật liệu đóng gói có thể tái chế, giảm thiểu rác thải, nhiên liệu,... Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tuyên truyền cho toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về bảo về môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu..

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics nên Vinafreight luôn ý thức được rằng việc tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động cho Công ty mà còn giúp giảm các tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Vinafreight luôn muốn góp phần giảm tác động tiêu cực của việc sử dụng năng lượng bằng những biện pháp thiết thực như cải tiến chất lượng phương tiện vận tải, tổ chức các hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ để quản lý năng lượng tốt hơn,...

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty chủ yếu là xăng, dầu, điện. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty khá đa dạng và dễ dàng tìm kiếm nên Vinafreight có nhiều có hội để chọn lựa nhà cung cấp uy tín, đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, các nguyên liệu nhỏ khác như giấy, bìa carton, nhãn in mã vạch,... phục vụ cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa đều có thể tái chế để giảm thiểu rác thải ra môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hướng đến hình ảnh thân thiện với môi trường, trong năm 2021, Vinafreight luôn chấp hành các cam kết và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tình hình thay đổi số lượng người lao động, mức lương và mức thu nhập bình quân của Công ty từ năm 2018 đến nay như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	297	267	190	243
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	9.000.000	9.000.000	10.000.000	11.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.000.000	13.000.000	14.000.000	14.000.000

Chính sách lao động

Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, Vinafreight vẫn đảm bảo được thu nhập và việc làm cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng áp dụng các giải pháp khuyến khích người lao động chuyên cần, tăng năng suất. Cùng với đó, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp,... nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Vinafreight luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn đến những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp. Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình huấn luyện để phát triển kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn.

Định kỳ, Vinafreight tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên. Công tác tiền lương, thưởng được Công ty thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Vinafreight còn tổ chức các đợt tham quan, du lịch để người lao động được thư giãn, tái tạo sức lao động, tạo không khí vui vẻ và tăng sự gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Vinafreight hiểu rằng sự ủng hộ, tin tưởng của cộng đồng là cơ sở quan trọng để đạt được những thành công cuối cùng. Song song với việc kinh doanh tạo ra lợi nhuận, Công ty luôn dành nguồn lực và sự ưu tiên cho các hoạt động như bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, tham gia hỗ trợ người dân trong các đợt thiên tai nặng nề,... Vinafreight tin rằng thực hiện trách nhiệm với xã hội sẽ mang đến thay đổi tích cực và lâu dài cho cộng đồng góp phần cho sự phát triển của đất nước. Từ đó, cả cộng đồng, trong đó có Vinafreight sẽ cùng phát triển bền vững và vươn đến sự thịnh vượng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Vinafreight rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

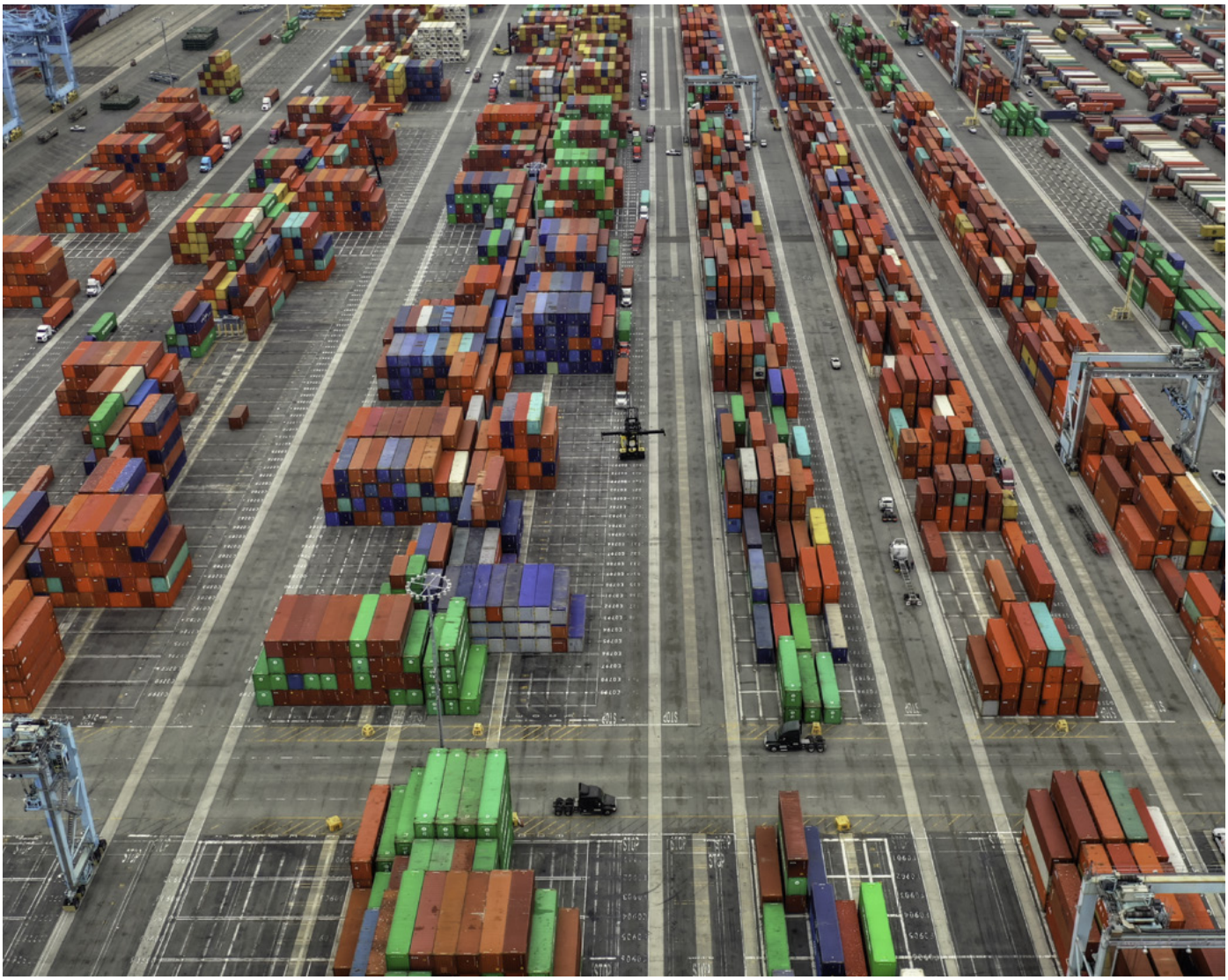

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2021

Thuận lợi

- Các phòng ban đã nỗ lực giữ vững khách hàng và phạm vi bán hàng dù trong năm có nhiều diễn biến phức tạp do dịch Covid-19;
- Các đơn vị và cá nhân đều nỗ lực kinh doanh trong điều kiện phát triển khó khăn;
- Lãnh đạo các đơn vị và đội sales đã nỗ lực đa dạng hóa các dịch vụ;
- Uy tín Công ty được nâng cao khi Vinafreight được công nhận nhiều danh hiệu.

Khó khăn

- Nguy cơ dịch bệnh Covid-19 luôn tiềm ẩn và diễn biến khó lường;
- Kinh tế toàn cầu và trong nước vẫn tiềm ẩn những khó khăn thách thức;
- Tầm hoạt động và ảnh hưởng ngày càng lớn của các doanh nghiệp logistics nước ngoài sẽ thu nhỏ lại thị phần của các doanh nghiệp trong nước;
- Nhân sự bán hàng lại luôn biến động, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động nghiệp vụ;
- Sản lượng của một số khách hàng lớn giảm do dịch bệnh;
- Nhiều đại lý trong các hệ thống chưa hoạt động hiệu quả;
- Sự phối hợp với các đối tác trong tập đoàn chưa thật sự hiệu quả như mong muốn.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Nhân sự tương đối ổn định trong năm dù dịch bệnh bùng phát;
- Các Công ty con và phòng ban nghiệp vụ duy trì hoạt động ở mức tốt nhất có thể trong tình hình khó khăn chung, và đã tổ chức được nhiều chuyến vận chuyển hàng trang thiết bị y tế vào cao điểm mùa dịch;
- Phòng đại lý hãng tàu Pan Con vẫn duy trì hoạt động tốt và đạt hiệu quả cao;
- Chi nhánh phía Bắc vẫn cố gắng duy trì hoạt động trong tình hình khó khăn mới và đạt được những thành quả nhất định;
- Công ty Vietway đã có những bước cắt giảm chi phí và tinh giản nhân sự, duy trì pháp nhân chờ cơ hội phát triển;
- Công ty Vector có sự tăng trưởng mạnh trong hoạt động kinh doanh với mức doanh thu tăng cao;
- Tuy việc tham dự hội nghị thường niên của các hệ thống logistics toàn cầu mà công ty là hội viên năm nay tạm hoãn do dịch bệnh nhưng công ty vẫn giữ mối quan hệ tốt với các đại lý quốc tế để duy trì việc kinh doanh;
- Nỗ lực tập trung thế mạnh vào các hoạt động dịch vụ khai quan nội địa & các giá trị cộng thêm;
- Giữ vững mối quan hệ với các khách hàng dự án lớn để duy trì lợi nhuận;
- Tăng cường giám sát hoạt động và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của các công ty con trong điều kiện cạnh tranh mạnh và nhiều biến động trên thị trường;
- Giảm thiểu chi phí, tăng cường quản lý rủi ro.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% (+/-) 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	607.770	1.057.398	73,98%	66,28%	77,14%
Tài sản dài hạn	309.271	313.277	1,30%	33,72%	22,86%
Tổng tài sản	**917.042**	**1.370.675**	**49,47%**	**100 %**	**100%**

Tổng tài sản của Vinafreight đến cuối năm 2021 ghi nhận 1.370,68 tỷ đồng, tăng 49,47% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tổng tài sản có xu hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và giảm tỷ trọng tài sản dài hạn. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 1.057,40 tỷ đồng, chiếm 77,14% tỷ trọng tổng tài sản và tăng 73,98% so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá 3 tháng đạt 112,5 tỷ đồng tăng 6,6 lần năm 2020, khoản phải thu của khách hàng đạt 506,45 tỷ đồng tăng 1,13 lần so với năm trước chủ yếu đến từ các khoản nợ của Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL, Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam, Công ty Cổ phần ALS SDS,... Đồng thời, khoản ký quỹ tại ngân hàng để bảo lãnh thanh toán theo yêu cầu cảu các hãng hàng không cho dịch vụ vận chuyển quốc tế và đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn đạt 190,88 tỷ đồng, tăng 81,11% so với cùng kỳ.

Tài sản dài của Công ty đạt 323,28 tỷ đồng tăng 1,3% so với năm 2020 và chiếm 22,86% tổng tài sản. Nguyên nhân do trong năm Vinafreight mua 148.707 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% (+/-) 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	556.042	758.551	36,42%	98,96%	99,19%
Nợ dài hạn	5.819	6.200	6,54%	1,04%	0,81%
Tổng nợ phải trả	**561.861**	**764.751**	**36,11%**	**100%**	**100%**

Kết thúc năm 2021, tổng nợ của Vinafreight đạt 764,75 tỷ đồng tăng 36,11% so với cùng kỳ năm trước. Nợ ngắn hạn đạt 758,55 tỷ đồng, chiếm 99,19% tổng cơ cấu doanh thu, tăng 36,42% so với năm 2020. Khoản phải trả người bán của Công ty đạt 105,78 tỷ đồng, tăng 16,63% so với năm 2020. Khoản thu hộ hãng tàu đạt 129,64 tỷ đồng, tăng 105,63% so với cùng kỳ, phí hoa hồng đạt 18,79 tỷ đồng, tăng 18,64 lần so với năm 2020. Song đó, Vinafreight tăng khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ngân hàng TNHH MTV HBSC Việt Nam từ 123,27 tỷ đồng lên 232,89 tỷ đồng, tăng 88,92%.

Nợ dài hạn tại ngày 31/12/2021 của Vinafreight đạt 6,2 tỷ đồng tăng 6,54% so với năm 2020, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu tổng nợ. Nguyên nhân chủ yếu do khoản nhận ký quỹ của Công ty đạt 6,20 tỷ đồng, tăng 380,32 tỷ đồng so với cùng kỳ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý. Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, thiết kế hệ thống các vị trí công việc theo xu thị trường. Vinafreight tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Công ty đặc biệt quan tâm.

Công ty khẩn trương nâng cao năng lực quản trị, thông qua các báo cáo, Ban lãnh đạo có những điều chỉnh chính sách phù hợp, kịp thời, cắt giảm lãng phí và nâng cao năng suất.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Trong năm 2021, tuy dịch bệnh bùng phát nhưng do giá cước hàng không tăng cao và sản lượng của hãng hàng không Etihad Airways (do Vector làm GSA) lớn nên dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng đột biến. Tuy nhiên trong năm 2022, hãng Etihad Aiways không còn duy trì hợp đồng với Vector nữa.

Ban Tổng Giám đốc đưa ra kế hoạch kinh doanh 2022 như sau:

» Doanh thu: **1.850 tỷ đồng;**

» Lợi nhuận trước thuế: **10 tỷ đồng.**

(Do tình hình một số các công ty liên kết đang trong thời kỳ lỗ dự kiến theo kế hoạch trong năm 2022)

NHỮNG BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CHO KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

- Tiếp tục ổn định các hoạt động dịch vụ;
- Chú trọng củng cố hoạt động logistics nội địa, phát triển dịch vụ lưu kho và phân phối hàng hóa cho khách hàng, hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ;
- Ổn định và khai thác có hiệu quả thế mạnh của các đối tác trong hệ thống;
- Giữ vững mối quan hệ với các khách hàng đại lý lớn với nguồn hàng ổn định, thực hiện cân đối việc đối lưu hàng hóa;
- Giảm thiểu mọi chi phí;
- Có chính sách tín dụng hợp lý với các khách hàng lớn, khách hàng toàn cầu nhằm mục đích vừa giữ khách vừa bảo đảm thu đúng thu đủ;
- Giảm thiểu tình trạng nợ xấu khó đòi;
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh Hà Nội – Hải Phòng và đại lý Pan Con;
- Củng cố hoạt động kinh doanh GSA của công ty Vector trong điều kiện có nhiều biến động trên thị trường GSA, duy trì và tăng trưởng sản lượng, tiếp cận những hãng hàng không tốt để mở rộng khả năng làm GSA, giữ vững và phát triển quan hệ đại lý hàng hóa đối với các hãng hàng không;
- Tiếp tục duy trì cơ cấu công ty Vietway ở mức phù hợp, tích cực tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới;
- Hoạt động đầu tư: Tiếp tục đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng MIPEC tại Hải Phòng, Công ty Cổ phần Logistics Thăng Long và Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH DÀI HẠN 2020 - 2025

- Công ty duy trì ổn định các dịch vụ hàng không, phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập;
- Giữ vững và tăng hơn nữa dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới, đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất;
- Tập trung vào dịch vụ Logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng, Công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm;
- Duy trì thế mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới:
  - » Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu đi các nước bằng đường biển, hàng không và ngược lại;
  - » Xây dựng thương hiệu Vinafreight ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế;
  - » Trong định hướng phát triển chung, Vinafreight hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của Vinafreight luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, việc đảm bảo rằng những hoạt động của công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.
- Ngoài ra Công ty cũng đẩy mạnh việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng ngành Logistics, cụ thể như:
  - » Tiếp tục đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Thăng Long;
  - » Tiếp tục đầu tư Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc;
  - » Tiếp tục đầu tư và khai thác cảng MIPEC tại Hải Phòng.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội mà còn là nhân tố trực tiếp ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu của Công ty. Chính vì vậy, Vinafreight tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan đến môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên như nước và điện.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Toàn bộ người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ bảo hiểm đầy đủ. Sức khỏe, an toàn lao động của người lao động cũng được Công ty quan tâm thông qua các chương trình khám sức khỏe, phổ biến quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy định kỳ.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm xã hội đang ngày càng trở thành xu hướng của các công ty đại chúng trong chiến lược phát triển bền vững. Thông qua các chương trình thiện nguyện như tuyên truyền chương trình hiến máu nhân đạo, tổ chức bữa cơm từ thiện tại các bệnh viện, đi thăm và phát quà trung thu, quà tết cho các trẻ em nghèo, Vinafreight mong muốn mang đến giá trị tích cực cho cộng động và xã hôi.

Trong tình hình dịch bệnh phức tạp, Công ty đã chủ động thực hiện những hành động thiết thực như: tích cực tuyên truyền cán bộ công nhân viên, khách hàng nghiêm túc thực hiện các quy tắc khai báo y tế, bảo vệ sức khỏe, thực hiện tốt thông điệp 5K:"Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế". Đồng thời, Công ty linh hoạt trong việc điều chỉnh hình thức làm việc để phù hợp với thực tế, thực hiện các biện pháp phòng dịch cần thiết như: đeo khẩu trang, trang bị nước rửa tay, đo thân nhiệt...

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước chững lại. Nhưng nhờ có các biện pháp đối phó chủ động của Nhà nước, nền kinh tế Việt Nam có sức chống chịu đáng kể. Kết thúc năm 2021, Vinafreight đã hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thông qua nhờ vào những định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo và tinh thần đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Song song với các mục tiêu kinh doanh, Vinafreight luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường người lao động.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2021 đã có nhiều cố gắng, chủ động giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều Lệ và theo pháp luật. HĐQT đã thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong các mặt hoạt động, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT thảo luận và đề ra biện pháp lãnh đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021, Ban Tổng Giám đốc chủ động và kịp thời ứng phó với những biến động bất thường của tình hình kinh tế trong nước và thế giới, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty, kịp thời điều chỉnh các phương hướng kinh doanh phù hợp nhằm thích ứng xu thế mới, đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, thể hiện qua các mặt cụ thể như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2021:

» Tổng doanh thu: 4.904 tỷ (213,22 % kế hoạch)

» Lợi nhuận trước thuế: 118,28 tỉ đồng (39.425,67 % kế hoạch)

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn 2021-2025 của Công ty. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Trong năm 2021, tuy dịch bệnh bùng phát nhưng do giá cước hàng không tăng cao và sản lượng của hãng hàng không Etihad Airways (do Vector làm GSA) lớn nên dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng đột biến. Tuy nhiên trong năm 2022, hãng Etihad Aiways không còn duy trì hợp đồng với Vector nữa.

Vì thế sau khi cân nhắc và tính toán, kế hoạch kinh doanh 2022 của Công ty được dự trù như sau:

» Doanh thu: 1.850 tỷ đồng.

» Lợi nhuận trước thuế: 10 tỷ đồng

(Do tình hình một số các công ty liên kết đang trong thời kỳ lỗ dự kiến theo kế hoạch trong năm 2022)

Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc

» Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022.

» Tiếp tục ổn định việc quản trị đối với các Công ty con trong hệ thống công ty để đảm bảo sự thống nhất chung trong công tác quản trị Công ty;

» Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, kịp thời định hướng và điều chỉnh hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thị trường, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc;

» Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
3	Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT
7	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT

Bà NGUYỄN BÍCH LÂN – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 244.108 cổ phần, chiếm 0,92% VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Transimex;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng MIPEC;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông LÊ DUY HIỆP – Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16.800 cổ phần, chiến 0,06% VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải MACS;
- Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VINAPRINT;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Transimex (TMS Trans);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNTLogistics JSC);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (Transco).

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex.

Ông CHU VIỆT CƯỜNG – Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16.800 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sovico;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet;
- Thành viên HĐQT Ngân hàng HDBank.

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sovico.

Ông NGUYỄN HUY DIỆU – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18.453 cổ phần, chiếm 0,07% VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Konoike Vina;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Transimex.

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông NGUYỄN ANH MINH – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:16.852 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông NGUYỄN HỒNG SƠN – Thành viên Hội đồng quản trị *(Có đơn xin từ nhiệm từ 01/11/2021)*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 26.880 cổ phần, chiếm 0,1% VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Bà LÊ HOÀNG NHƯ UYÊN – Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics).

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Bùi Tuấn Ngọc	Phó chủ tịch HĐQT	21/04/2017	22/04/2021	Miễn nhiệm từ ngày 22/04/2021
2	Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	21/04/2017	22/04/2021	Miễn nhiệm từ ngày 22/04/2021
3	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	22/04/2021		Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2021, có đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 01/11/2021
4	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	22/04/2021		Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2021

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành thông qua các hoạt động sau:

» Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh thông qua các cuộc họp định kỳ và các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ để có biện pháp chỉ đạo kịp thời;

» Chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

» Giám sát quy trình thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành;

» Tìm hiểu và nghiên cứu về việc mở rộng đầu tư.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị đưa ra các định hướng, chủ trương và xây dựng kế hoạch đầu tư kinh doanh dài hạn để tạo thương hiệu trên thị trường và tăng lợi nhuận trong tương lai.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Ngoài ra, khi cần thiết HĐQT còn tổ chức họp bất thường và thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau để cùng bàn và quyết định những yêu cầu, nội dung quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Tất cả các phiên họp HĐQT đều có Nghị quyết cho từng nội dung cụ thể.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	15/15	100%	
2	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT	5/15	33,33%	Miễn nhiệm từ ngày 22/04/2021
3	Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
4	Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
5	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
6	Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	0/15	-	Qua đời ngày 01/01/2021, miễn nhiệm từ ngày 22/04/2021
7	Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
8	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	7/15	46,67%	Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2021, có đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 01/11/2021
9	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	10/15	66,67%	Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp và đã ban hành 16 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, đầu tư, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01-21/NQ-HĐQT	06/01/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
02-21/NQ-HĐQT	15/01/2021	Thông qua việc mua trái phiếu chuyển đổi đợt 1 của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)
03-21/NQ-HĐQT	25/02/2021	- Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; - Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; - Thông qua các tài liệu và tờ trình được ĐHĐCĐ năm 2021.
04-21/NQ-HĐQT	16/03/2021	- Thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; - Thông qua việc điều chỉnh thời gian phân phối lại cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Thông qua danh sách phân bổ 1.388.113 cổ phần chưa phân phối hết của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho cán bộ nhân viên chủ chốt trong Công ty.
05-21/NQ-HĐQT	01/04/2021	Thông qua lại các Báo cáo và Tờ trình sẽ được trình bày tại ĐHĐCĐ thường niên 2021
06-21/NQ-HĐQT	22/04/2021	- Thông qua tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinafreight từ 83.922.500.000 đồng lên thành 251.457.500.000 đồng; - Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên;
07-21/NQ-HĐQT	18/05/2021	Thông qua việc sử dụng 2.900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT:HNX) để làm tài sản đảm bảo một phần cho Transimex phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu.

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
08-21/NQ-HĐQT	04/06/2021	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty niên độ 2021.
09-21/NQ-HĐQT	14/07/2021	Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Diệu làm Tổng Giám đốc Công ty với thời hạn 1 năm kể từ 01/08/2021.
10-21/NQ-HĐQT	03/08/2021	Thông qua việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung.
11-21/NQ-HĐQT	21/08/2021	Thông qua việc góp vốn đầu tư và thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long 1 & 2.
12-21/NQ-HĐQT	05/10/2021	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020.
13-21/NQ-HĐQT	27/10/2021	Thông qua danh sách ngày chốt danh sách cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.
14-21/NQ-HĐQT	09/12/2021	Thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty.
15-21/NQ-HĐQT	28/12/2021	Thông qua việc sẽ trình ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất điều chỉnh chi tiết một số ngành nghề kinh doanh của Công ty.
16-21/NQ-HĐQT	28/12/2021	Thông qua việc đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec bằng việc mua thêm cổ phần do Công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu và/hoặc cổ đông chiến lược.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty có một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và thành viên này có nhiều đóng góp đáng kể trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Văn Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	16.474	0,06%
3	Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

» Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021;

» Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

» Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ, giám sát việc đầu tư góp vốn của Công ty;

» Kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp để kiểm soát tốt chi phí và tuân thủ sát các quy định mới ban hành của Bộ Tài chính.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát để đẩy mạnh việc giám sát thực hiện kết quả kinh doanh, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2021.

» Định kỳ hàng quý và đột xuất, HĐQT tổ chức họp đều mời Ban kiểm soát, Ban điều hành tham dự để cùng nhau góp ý xây dựng các giải pháp kinh doanh của Công ty;

» Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty trong việc chỉ đạo và kiểm soát các phòng ban trực thuộc để thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch phát triển Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Văn Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
2	Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%
3	Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Ban kiểm soát đã tổ chức 2 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

» Kiểm tra, giám sát HĐQT và Ban điều hành trong việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, việc chấp hành các qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

» Kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác tài chính, kế toán và thẩm tra Báo cáo tài chính 2021.

» Thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	780.000.000	115.690.508
2	Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	-	81.842.672
3	Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	-	81.842.672
4	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT	-	81.842.672
5	Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	-	81.842.672
6	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	47.130.000
7	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	-	47.130.000
Ban kiểm soát				
1	Lê Văn Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	-	81.842.672
2	Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	-	65.470.538
3	Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên Ban kiểm soát	-	65.470.538
Ban điều hành				
1	Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc	720.000.000	-
2	Nguyễn Anh Minh	Phó tổng Giám đốc	600.000.000	-
3	Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó tổng Giám đốc	120.000.000	--

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Công ty Cổ phần Transimex		4.544.895	54,26%	14.498.804	54,95%	Mua, được chi cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Công ty Cổ phần Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)		912.000	10,88%	2.376.000	10,88%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung		49.500	0,59%	-	-	Thoái vốn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)		262.500	3,1%	787.500	3,1%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	120.375	1,44%	244.108	0,92%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 22/04/2021)	0	0,00%	19.320	0,07%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	0	0,00%	16.800	0,06%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT	525	0,002%	18.453	0,07%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	50	0,0002%	16.852	0,06%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	-	0,00%	16.800	0,06%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT (từ ngày 22/04/2021)	4.000	0,048%	26.680	0,10%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc	150	0,002%	472	0,002%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Lê Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng	5.835	0,07%	31.820	0,12%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS	1.230	0,015%	16.474	0,06%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Lê Quang Huy	Thư ký	-	-	5.250	0,02%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu
Bùi Minh Tuấn	Người liên quan của ông Bùi Tuấn Ngọc	12.000	0,15%	54.600	0,21%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và được phân phối mua sau khi chào bán không hết cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy Chứng nhận sở hữu	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	0301874259	172 (Lầu 9-10) Hai bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí xếp dỡ, bến bãi, sửa chữa container, phí dịch vụ, chi phí cước vận chuyển, giao nhận: **476.641.741 đồng** +Doanh thu cước: **10.422.000 đồng**
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông lớn	0300648264	406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Phí dịch vụ: **24.368.147 đồng**
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết	0400426836	184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí cước vận chuyển, dịch vụ: **276.369.445 đồng** + Doanh thu phí chứng từ: **77.317.370 đồng** + Mua cổ phiếu: **4.392.000.000 đồng**
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Công ty liên kết	0101352858	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí cước vận chuyển, dịch vụ: **16.083.410.267 đồng** + Doanh thu phí chứng từ: **655.155.700 đồng** + Mua trái phiếu chuyển đổi đợt 1: **14.870.700.000 đồng**
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Công ty liên kết	0201641148	Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Không có phát sinh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết	0900989442	Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí lưu kho, phí dịch vụ: **1.695.050.669 đồng**
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty liên kết	0316114557	Một phần Lô I.9, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/ NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Không có phát sinh

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex	0307821849	7/1 ẤP Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. HCM	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí cước vận chuyển, nâng hạ và chi phí khác: **3.042.474.864 đồng**
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex	0312967522	Lô BT, Đường D2, Khu công nghệ cao TP. HCM, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. HCM	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí xếp dỡ, bến bãi, sửa chữa container, cước vận chuyển, giao nhận: **6.009.254.894 đồng**
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex	3702120783	Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Bình Dương	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	+ Chi phí lưu kho: **581.191.325 đồng**

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viafreight luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị Công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Đồng thời, HĐQT cũng rất quan tâm đến các chương trình tập huấn để nâng cao hiệu quả quản trị do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức.

Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo qui định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Năm 2021, Công ty tiếp tục sửa đổi cho phù hợp với qui định pháp luật mới như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC,...

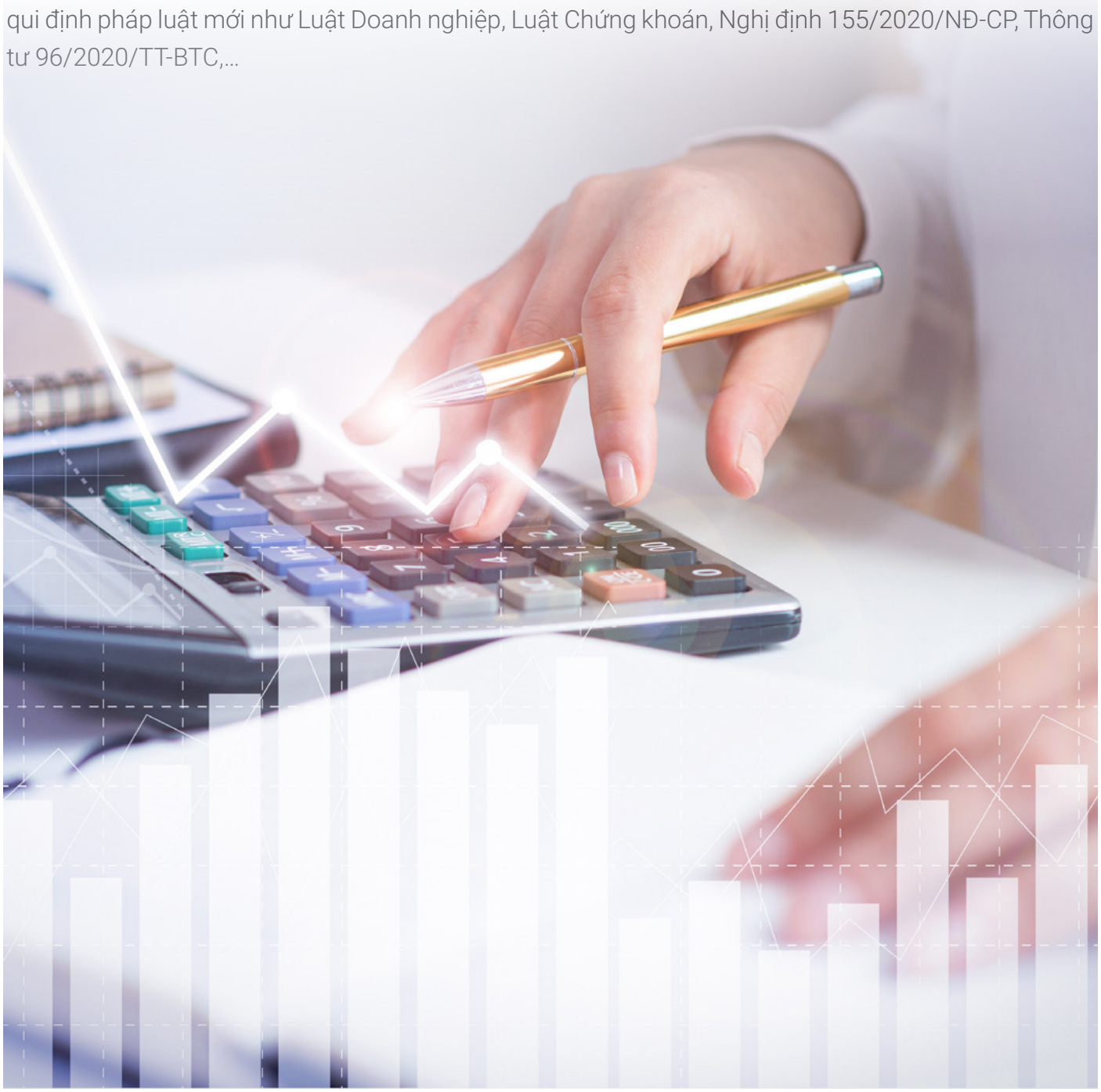

6 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafreight

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vinafreight ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611802-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.057.398.315.002**	**607.770.324.897**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***281.595.551.117***	***196.785.865.268***
111	1. Tiền		169.095.551.117	181.985.865.268
112	2. Các khoản tương đương tiền		112.500.000.000	14.800.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5.1***	***27.852.000.000***	***22.189.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		27.852.000.000	22.189.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***743.364.474.886***	***384.659.052.234***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	506.452.885.395	237.510.147.356
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.437.647.847	630.009.907
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	238.371.200.542	149.363.983.744
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.897.258.898)	(2.845.088.773)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***4.586.288.999***	***4.136.407.395***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		799.033.785	541.965.934
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11	3.787.255.214	3.594.441.461
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**313.276.873.519**	**309.271.240.505**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***5.681.018.980***	***5.649.018.980***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.681.018.980	5.649.018.980
220	***II. Tài sản cố định***		***2.675.752.803***	***1.867.407.895***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.675.752.803	1.740.673.916
222	Nguyên giá		15.023.981.067	13.837.185.662
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(12.348.228.264)	(12.096.511.746)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	126.733.979
228	Nguyên giá		2.639.072.679	2.639.072.679
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.639.072.679)	(2.512.338.700)
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***5.2***	***304.413.885.683***	***300.651.819.309***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		276.002.750.356	287.111.383.982
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.540.435.327	11.540.435.327
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		16.870.700.000	2.000.000.000
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***506.216.053***	***1.102.994.321***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		506.216.053	1.102.994.321
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.370.675.188.521**	**917.041.565.402**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**764.751.245.057**	**561.861.353.499**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***758.551.290.883***	***556.041.923.249***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	298.841.717.497	256.220.401.530
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.504.124.411	1.419.211.229
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	14.871.409.438	9.139.106.491
314	4. Phải trả người lao động		11.105.232.439	20.634.131.375
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	5.731.423.574	3.406.487.683
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	175.091.540.529	126.372.652.147
320	7. Vay ngắn hạn	14	232.891.878.545	123.274.093.657
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	18.513.964.450	15.575.839.137
330	***II. Nợ dài hạn***		***6.199.954.174***	***5.819.430.250***
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	6.199.954.174	5.819.430.250
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**605.923.943.464**	**355.180.211.903**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***605.923.943.464***	***355.180.211.903***
411	1. Vốn cổ phần	16	264.022.010.000	83.922.500.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*264.022.010.000*	*83.922.500.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	16	30.048.650.000	30.199.350.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	16	(155.000.000)	(155.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	16	11.925.977.872	10.925.977.872
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	281.706.179.684	223.053.814.624
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*204.395.839.838*	*216.140.976.989*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*77.310.339.846*	*6.912.837.635*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	18.376.125.908	7.233.569.407
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.370.675.188.521**	**917.041.565.402**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Nguyễn Trịnh Phương Tháo	Lê Thị Ngọc Anh	Nguyễn Huy Diệu
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**	**18.1**	**4.904.141.907.513**	**2.471.665.570.223**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**18.1**	**(8.264.166.808)**	**(2.913.814.154)**
10	**3. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ**	**18.1**	**4.895.877.740.705**	**2.468.751.756.069**
11	**4. Giá vốn dịch vụ cung cấp**	**19**	**(4.700.723.864.847)**	**(2.420.328.589.590)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**		**195.153.875.858**	**48.423.166.479**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**18.2**	**38.231.886.345**	**23.863.873.601**
22	**7. Chi phí tài chính**	**21**	**(15.101.064.265)**	**(8.018.705.880)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(4.354.606.083)*	*(4.451.163.840)*
24	**8. Phần lỗ trong công ty liên kết**		**(24.524.668.840)**	**(16.315.333.406)**
25	**9. Chi phí bán hàng**	**20**	**(53.253.261.848)**	**(9.789.638.595)**
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**20**	**(22.203.533.620)**	**(24.450.184.835)**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**118.303.233.630**	**13.713.177.364**
31	**12. Thu nhập khác**		**70.630.940**	**1.240.871.003**
32	**13. Chi phí khác**		**(96.619.011)**	**(66.121.496)**
40	**14. (Lỗ) lợi nhuận khác**		**(25.988.071)**	**1.174.749.507**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**118.277.245.559**	**14.887.926.871**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**23.1**	**(29.081.549.212)**	**(6.330.512.271)**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**89.195.696.347**	**8.557.414.600**
61	**18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**77.310.339.846**	**6.912.837.635**
62	**19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**11.885.356.501**	**1.644.576.965**
70	**20. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu**	**16.5**	**3.598**	**348**
71	**21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**16.5**	**3.598**	**348**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Lê Thị Ngọc Anh	Nguyễn Huy Diệu
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**118.277.245.559**	**14.887.926.871**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9	601.353.274	772.861.818
03	Dự phòng		52.170.125	553.564.865
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.993.959.890)	(157.212.281)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		12.788.452.160	5.393.528.432
06	Chi phí lãi vay	21	4.354.606.083	4.451.163.840
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**132.079.867.311**	**25.901.833.545**
09	Tăng các khoản phải thu		(356.492.353.251)	(138.669.668.121)
11	Tăng các khoản phải trả		87.548.027.740	163.538.276.159
12	Giảm chi phí trả trước		339.710.417	819.405.263
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.354.606.083)	(4.451.163.840)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(22.866.625.351)	(3.551.497.304)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.037.874.687)	(1.684.255.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(165.783.853.904)**	**41.902.930.702**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.409.698.182)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		59.090.909	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.685.700.000)	(2.224.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		1.152.000.000	1.654.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(13.854.500.000)	(26.000.000.000)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		12.115.590.557	14.692.581.306
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(23.623.216.716)**	**(11.877.418.694)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	16.1	167.384.300.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	14	1.822.555.105.140	920.853.365.353
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(1.712.937.320.252)	(887.392.379.470)
36	Cổ tức đã trả		(2.200.000.000)	(5.280.703.750)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**274.802.084.888**	**28.180.282.133**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**85.395.014.268**	**58.205.794.141**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**196.785.865.268**	**138.651.667.558**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(585.328.419)	(71.596.431)
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**281.595.551.117**	**196.785.865.268**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Lê Thị Ngọc Anh	Nguyễn Huy Diệu
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinafreight ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 237 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 254).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm ba công ty con được thành lập và đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và năm công ty liên kết. Trong đó, chi tiết các công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ sở hữu*	
		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế	Dịch vụ vận tải hàng hóa	90,00%	90,00%
(3) Công ty TNHH Logistics Xuê Hằng Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	51,00%	-
(4) Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt *(*)*	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	45,90%	45,90%

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã góp 581.400.000 VND thành lập Công ty TNHH Logistics Xuê Hằng Việt Nam hiện là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0315084081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2018 và theo các GCNĐKDN sửa đổi sau đó. Công ty con này có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 4, Tòa nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt là hơn 50%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Xác khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch..

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	1.159.611.498	2.426.718.158
Tiền gửi ngân hàng	167.935.939.619	179.559.147.110
Các khoản tương đương tiền *(*)*	112.500.000.000	14.800.000.000
TỔNG CỘNG	**281.595.551.117**	**196.785.865.268**

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2,8% đến 3,1%/năm. Khoản tiền gửi trị giá 10 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn *(Thuyết minh số 14)*.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty liên kết *(i)*	276.002.750.356	287.111.383.982
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(ii)*	11.540.435.327	11.540.435.327
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn *(iii)*	16.870.700.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	**304.413.885.683**	**300.651.819.309**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 *Các khoản đầu tư tài chính dài hạn* (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết	*Lĩnh vực*	*Tình trạng*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Vốn đầu tư	*% sở hữu*	*Vốn đầu tư*	*% sở hữu*
			VND		*VND*	
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	Đang hoạt động	136.074.864.222	20,00	167.117.481.437	20,00
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Dịch vụ vận tải hàng hóa	Đang hoạt động	69.366.500.920	24,78	66.636.103.416	24,78
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ logistic	Đang hoạt động	50.331.756.809	25,00	42.420.947.828	25,00
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Dịch vụ vận tải hàng hóa	Đang hoạt động	16.229.628.405	27,89	9.936.851.301	27,89
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	Đang hoạt động	4.000.000.000	20,00	1.000.000.000	20,00
TỔNG CỘNG			**276.002.750.356**		**287.111.383.982**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 *Các khoản đầu tư tài chính dài hạn* (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết tăng giảm khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

	VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	273.474.748.076
Tăng trong năm	13.854.500.000
Số cuối năm	287.329.248.076
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư các công ty liên kết:	
Số đầu năm	13.636.635.906
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư các công ty liên kết	(24.524.668.840)
Cổ tức được chia	(219.600.000)
Khác	(218.864.786)
Số cuối năm	(11.326.497.720)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	287.111.383.982
Số cuối năm	276.002.750.356

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		VND
Tên công ty	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	4.917.335.327	4.917.335.327
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	4.246.950.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty TNHH Vận tải Ôtô Vi Na Vinatrans	726.150.000	726.150.000
TỔNG CỘNG	**11.540.435.327**	**11.540.435.327**

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*
Trái phiếu 1 *(*)*	14.870.700.000	14.870.700.000	-	-
Trái phiếu 2 *(**)*	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu 3 *(***)*	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	**16.870.700.000**	**16.870.700.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 *Các khoản đầu tư tài chính dài hạn* (tiếp theo)

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(*) Đây là giá trị của 148.707 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, hưởng lãi suất 7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2023.

(**) Đây là giá trị của 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, hưởng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2026.

(***) Đây là giá trị của 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, hưởng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu + 0,7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 11 năm 2024.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL Việt Nam	59.120.669.216	9.504.793.735
Công Ty TNHH Samsung SDS Việt Nam	44.468.181.172	-
Công ty Cổ phần ALS SDS	42.898.950.301	55.772.517.366
Các khách hàng khác	359.965.084.706	172.232.836.255
TỔNG CỘNG	**506.452.885.395**	**237.510.147.356**
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.897.258.898)	(2.845.088.773)
GIÁ TRỊ THUẦN	**503.555.626.497**	**234.665.058.583**
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	*502.930.991.184*	*234.663.738.583*
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	*624.635.313*	*1.320.000*

Chi tiết tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	2.845.088.773	6.309.835.128
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	124.380.511	553.564.865
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(72.210.386)	(4.018.311.220)
Số cuối năm	2.897.258.898	2.845.088.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**238.371.200.542**	**149.363.983.744**
Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng *(*)*	190.877.750.814	105.393.840.875
Ký quỹ	3.395.900.000	2.351.798.508
Tạm ứng nhân viên	1.326.311.615	1.506.666.618
Các khoản phải thu khác	42.771.238.113	40.111.677.743
Dài hạn	**5.681.018.980**	**5.649.018.980**
Ký quỹ	5.681.018.980	5.649.018.980
TỔNG CỘNG	**244.052.219.522**	**155.013.002.724**

(*) Đây là các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để bảo lãnh thanh toán theo yêu cầu của các hãng hàng không cho dịch vụ vận chuyển quốc tế và đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn *(Thuyết minh số 14)*.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	8.588.984.642	2.615.227.870	13.837.185.662
Mua trong năm	-	1.409.698.182	-	1.409.698.182
Thanh lý	-	(222.902.777)	-	(222.902.777)
Số cuối năm	2.632.973.150	9.775.780.047	2.615.227.870	15.023.981.067
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*363.000.000*	*3.903.304.628*	*2.425.356.961*	*6.691.661.589*
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(2.632.973.150)	(6.911.195.082)	(2.552.343.514)	(12.096.511.746)
Khấu hao trong năm	-	(431.486.327)	(43.132.968)	(474.619.295)
Thanh lý	-	222.902.777	-	222.902.777
Số cuối năm	(2.632.973.150)	(7.119.778.632)	(2.595.476.482)	(12.348.228.264)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	1.677.789.560	62.884.356	1.740.673.916
Số cuối năm	-	2.656.001.415	19.751.388	2.675.752.803

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	2.639.072.679
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	*2.639.072.679*
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(2.512.338.700)
Hao mòn trong năm	(126.733.979)
Số cuối năm	(2.639.072.679)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	126.733.979
Số cuối năm	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Etihad Airways	193.061.537.301	203.661.234.769
Các bên khác	105.780.180.196	52.559.166.761
TỔNG CỘNG	**298.841.717.497**	**256.220.401.530**
Trong đó:		
Phải trả cho các bên khác	*297.365.046.647*	*252.454.128.962*
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	*1.476.670.850*	*3.766.272.568*

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.594.441.461	3.672.321.394	(3.479.507.641)	3.787.255.214
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.973.869.167	29.081.549.212	(22.866.625.351)	11.188.793.028
Thuế thu nhập cá nhân	488.771.121	8.596.587.852	(7.117.256.801)	1.968.102.172
Thuế giá trị gia tăng	391.296.138	7.953.806.012	(8.025.652.328)	319.449.822
Khác	3.285.170.065	15.490.555.035	(17.380.660.684)	1.395.064.416
TỔNG CỘNG	**9.139.106.491**	**61.122.498.111**	**(55.390.195.164)**	**14.871.409.438**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí làm hàng	4.365.108.358	2.203.504.617
Thưởng năng suất	755.000.000	675.000.000
Khác	611.315.216	527.983.066
TỔNG CỘNG	**5.731.423.574**	**3.406.487.683**

13. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**175.091.540.529**	**126.372.652.147**
Thu hộ hãng tàu	129.640.753.449	63.046.477.851
Thu hộ từ bán vé máy bay và cước vận chuyển quốc tế	17.800.000.000	52.952.102.257
Phí hoa hồng	18.785.282.772	956.380.600
Nhận ký quỹ	4.581.130.513	2.300.000.000
Cổ tức phải trả	-	1.000.000.000
Khác	4.284.373.795	6.117.691.439
Dài hạn	**6.199.954.174**	**5.819.430.250**
Nhận ký quỹ	6.199.954.174	5.819.430.250
TỔNG CỘNG	**181.291.494.703**	**132.192.082.397**
Trong đó:		
Phải trả cho bên khác	*181.291.494.703*	*131.192.082.397*
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	-	*1.000.000.000*

14. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Vay ngân hàng	123.274.093.657	1.822.555.105.140	(1.712.937.320.252)	232.891.878.545

Nhóm Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	118.854.309.529	Ngày 24 tháng 2 năm 2022	4,8
Ngân hàng TNHH MTV HBSC Việt Nam	114.037.569.016	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2022 đến ngày 19 tháng 1 năm 2022	3,0 – 3,5
TỔNG CỘNG	**232.891.878.545**		

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Số đầu năm	*Trích lập từ lợi nhuận*	*Sử dụng trong năm*	*Số cuối năm*
Quỹ khen thưởng	9.708.967.566	2.650.000.000	(500.000.000)	11.858.967.566
Quỹ phúc lợi	5.342.004.445	1.326.000.000	(567.551.250)	6.100.453.195
Quỹ hoạt động và quỹ khen thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	524.867.126	1.000.000.000	(970.323.437)	554.543.689
TỔNG CỘNG	**15.575.839.137**	**4.976.000.000**	**(2.037.874.687)**	**18.513.964.450**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	9.925.977.872	225.776.069.669	349.668.897.541
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.912.837.635	6.912.837.635
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.000.000	(5.041.300.000)	(4.041.300.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(4.188.375.000)	(4.188.375.000)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	(405.417.680)	(405.417.680)
Số cuối năm	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	10.925.977.872	223.053.814.624	347.946.642.496
Năm nay						
Số đầu năm	83,922,500,000	30,199,350,000	(155,000,000)	10,925,977,872	223,053,814,624	347,946,642,496
Phát hành cổ phiếu mới *(*)*	167,535,000,000	(150,700,000)	-	-	-	167.384.300.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	77.310.339.846	77.310.339.846
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.000.000	(5.874.600.000)	(4.874.600.000)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu (**)	12.564.510.000	-	-	-	(12.564.510.000)	-
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	(218.864.786)	(218.864.786)
Số cuối năm	264.022.010.000	30.048.650.000	(155.000.000)	11.925.977.872	281.706.179.684	587.547.817.556

(*) Vào ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty đã phát hành 16.753.500 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, trong đó các cổ đông hiện hữu và các cổ đông mới đã thực hiện quyền mua tương ứng với 15.365.387 cổ phiếu và 1.388.113 cổ phiếu. Việc phát hành này được chấp thuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 6 năm 2020, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty đã tăng từ 83.922.500.000 VND lên 251.457.500.000 VND. Vào ngày 14 tháng 5 năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14, phản ánh việc tăng vốn cổ phần này của Công ty.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

(**) Vào ngày 29 tháng 12 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.256.451 cổ phiếu phổ thông để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty đã tăng từ 251.457.500.000 VND lên 264.022.010.000 VND. Vào ngày 29 tháng 12 năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 15, phản ánh việc tăng vốn cổ phần này của Công ty.

16.2 *Vốn cổ phần*

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp			*Vốn điều lệ đã góp*
Cổ đông	*Số lượng cổ phần*	*(VND)*	*% sở hữu*	*VND*
Công ty Cổ phần Transimex	14.498.804	144.988.040.000	54.92	144.988.040.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển bất động sản Conasi	3.465.787	34.657.870.000	13.13	34.657.870.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	2.872.800	28.728.000.000	10.88	28.728.000.000
Cổ phiếu quỹ	15.500	155.000.000	0.06	155.000.000
Các cổ đông khác	5.549.310	55.493.100.000	21.01	55.493.100.000
TỔNG CỘNG	**26.402.201**	**264.022.010.000**	**100**	**264.022.010.000**

16.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	83.922.500.000	83.922.500.000
Tăng trong năm	180.099.510.000	-
Số cuối năm	**264.022.010.000**	**83.922.500.000**

16.4 *Cổ phiếu*

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	26.402.201	8.392.250
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	*26.402.201*	*8.392.250*
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	*(15.500)*	*(15.500)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*26.386.701*	*8.376.750*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Thu nhập và số cổ phiếu được sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN *(VND)*	77.310.339.846	6.912.837.635
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(VND) (*)*	-	(3.976.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	**77.310.339.846**	**2.936.837.635**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	21.489.224	8.445.597
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	3.598	348
Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	3.598	348

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm hiện tại.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

17. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	7.233.569.407	6.675.692.442
Vốn điều lệ đã góp trong năm	558.600.000	-
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	11.885.356.501	1.644.576.965
Chia cổ tức	(1.200.000.000)	(86.700.000)
Giảm khác	(101.400.000)	7.233.569.407
Số cuối năm	18.376.125.908	6.675.692.442

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**4.904.141.907.513**	**2.471.665.570.223**
Doanh thu cước vận tải quốc tế	4.655.255.409.000	2.223.415.039.631
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng	191.713.032.919	152.331.057.916
Doanh thu bán vé máy bay	10.158.188.473	65.563.929.089
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	47.015.277.121	30.355.543.587
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(8.264.166.808)	(2.913.814.154)
Doanh thu thuần	**4.895.877.740.705**	**2.468.751.756.069**
Trong đó:		
Doanh thu từ cước vận tải quốc tế	*4.650.781.005.823*	*2.223.415.039.631*
Doanh thu từ dịch vụ giao nhận hàng	*191.713.032.919*	*152.331.057.916*
Doanh thu bán vé máy bay	*6.454.493.879*	*62.650.114.935*
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	*46.929.208.084*	*30.355.543.587*

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.917.177.946	12.784.856.346
Lãi tiền gửi	9.249.649.839	7.181.129.179
Cổ tức	2.646.340.718	3.740.675.795
Khác	418.717.842	157.212.281
TỔNG CỘNG	**38.231.886.345**	**23.863.873.601**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cước vận tải	4.502.502.476.430	2.221.962.299.415
Phí làm hàng	105.926.954.395	90.755.422.810
Chi phí nhân công	42.986.649.986	47.563.096.277
Thuê văn phòng	25.913.431.586	26.074.003.123
Chi phí khác	23.394.352.450	33.973.767.965
TỔNG CỘNG	**4.700.723.864.847**	**2.420.328.589.590**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**53.253.261.848**	**9.789.638.595**
Chi phí hoa hồng	53.253.261.848	9.789.638.595
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**22.203.533.620**	**24.450.184.835**
Chi phí nhân công	13.369.450.483	15.364.452.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.007.265.161	3.049.037.835
Dự phòng phải thu khó đòi	52.170.125	553.564.865
Khấu hao và hao mòn	306.890.186	454.938.282
Chi phí khác	5.467.757.665	5.028.191.693
TỔNG CỘNG	**75.456.795.468**	**34.239.823.430**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.746.458.182	3.567.542.040
Chi phí lãi vay	4.354.606.083	4.451.163.840
TỔNG CỘNG	**15.101.064.265**	**8.018.705.880**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.693.079.786.109	2.342.709.894.823
Chi phí nhân viên	56.356.100.469	62.927.548.437
Khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 8, 9)*	601.353.274	772.861.818
Chi phí khác	26.143.420.463	48.158.107.942
TỔNG CỘNG	**4.776.180.660.315**	**2.454.568.413.020**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.060.553.333	6.330.512.271
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	20.995.879	-
TỔNG CỘNG	**29.081.549.212**	**6.330.512.271**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**118.277.245.559**	**14.887.926.871**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	23.655.449.112	2.977.585.374
Các khoản điều chỉnh tăng		
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	7.108.853.768	5.820.074.502
Chi phí không được khấu trừ	618.271.917	634.591.321
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu những năm trước	20.995.879	10.118.548
Các chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	428.855.676	335.213.417
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức	(2.689.268.144)	(3.302.815.159)
Thuế TNDN được giảm	(55.578.919)	(143.274.885)
Khác	(6.030.077)	(980.847)
Chi phí thuế TNDN	**29.081.549.212**	**6.330.512.271**

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông	Cổ tức đã chia	1.368.000.000	456.000.000
		Chia sẻ lợi nhuận	1.200.000.000	1.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	6.750.000	545.247.100
		Mua dịch vụ	24.368.147	2.309.089
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	6.009.254.894	1.187.031.889
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty liên kết	Góp vốn	3.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Cước vận tải	16.083.410.267	8.690.362.434
		Trái phiếu	14.870.700.000	-
		Cung cấp dịch vụ	655.155.700	80.299.094
		Cổ tức đã chia	393.750.000	131.250.000
		Nhận cổ tức	-	3.553.800.000
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	3.042.474.864	2.603.918.186
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết	Góp vốn	6.462.500.000	-
		Mua dịch vụ	1.695.050.669	1.060.360.676
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cổ tức đã chia	6.904.190.000	2.262.097.500
		Cung cấp dịch vụ	480.141.741	367.334.236
		Cung cấp dịch vụ	34.991.106	390.107.028
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Góp vốn	4.392.000.000	-
		Phí dịch vụ	276.369.445	91.485.055
		Nhận cổ tức	219.600.000	219.600.000
		Cung cấp dịch vụ	77.317.370	30.186.155
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Công ty liên kết	Góp Vốn	-	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	Công ty cùng tập đoàn	Chia cổ tức	1.650.370.000	550.125.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	581.191.325	-

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	616.440.313	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	8.195.000	1.320.000
			624.635.313	**1.320.000**
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.169.546.524	2.651.307.102
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	293.903.127	471.235.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	8.834.199	26.036.415
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	4.387.000	56.036.724
Transimex Hi Tech Park Logistics Co., Ltd	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	456.750.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	104.907.007
			1.476.670.850	**3.766.272.568**
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông	Cổ tức	-	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") thường trực và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	780.000.000	780.000.000
Ông Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc	720.000.000	650.000.000
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	600.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	50.000.000
TỔNG CỘNG		**2.220.000.000**	**2.080.000.000**

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	115.690.508	116.560.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	81.842.672	87.372.000
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT	81.842.672	87.372.000
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	81.842.672	87.372.000
Ông Chu Việt Cường	Thành viên độc lập	81.842.672	87.372.000
Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên đã từ nhiệm	47.310.806	104.850.000
Trương Minh Long	Thành viên đã từ nhiệm	-	87.372.000
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban BKS	81.842.672	87.372.000
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS	65.470.538	69.894.000
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên BKS	65.470.538	69.894.000
TỔNG CỘNG		**703.155.750**	**885.430.000**

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

25.1 Thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	23.211.944.921	20.217.440.648
Từ 1 - 5 năm	73.568.041.200	67.005.817.342
Trên 5 năm	48.135.496.500	61.700.882.985
TỔNG CỘNG	**144.915.482.621**	**148.924.140.975**

25.2 Cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền cho thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	24.408.335.412	27.694.520.645
Từ 1 - 5 năm	41.912.284.404	44.218.485.980
TỔNG CỘNG	**66.320.619.816**	**71.913.006.625**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ vận tải quốc tế và nội địa, giao nhận hàng và kinh doanh kho bãi.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Cước vận tải quốc tế	*Dịch vụ giao nhận hàng*	*Dịch vụ khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.652.176.301.364	191.713.032.919	53.383.701.963	(1.395.295.541)	4.895.877.740.705
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	167.078.421.581	6.829.737.749	21.245.716.528	-	195.153.875.858
Chi phí không phân bổ					(76.876.630.299)
Lợi nhuận thuần trước thuế					**118.277.245.559**
Chi phí thuế TNDN					(29.081.549.212)
Lợi nhuận sau thuế					**89.195.696.347**
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát					(11.885.356.501)
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ					**77.310.339.846**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	697.579.423.770	45.750.710.910	10.828.135.927	(128.278.968)	754.029.991.639
Tài sản không phân bổ					616.645.196.882
Tổng tài sản					**1.370.675.188.521**
Công nợ bộ phận	638.621.706.758	64.910.562.974	10.656.693.792	(128.278.968)	714.060.684.556
Công nợ không phân bổ					50.690.560.501
Tổng công nợ					**764.751.245.057**

26. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND

	Cước vận tải quốc tế	*Dịch vụ giao nhận hàng*	*Dịch vụ khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.226.618.815.921	141.737.825.656	106.347.602.663	(5.952.488.171)	2.468.751.756.069
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	38.025.969.253	(8.207.487.179)	18.604.684.405	-	48.423.166.479
Chi phí không phân bổ					(33.535.239.608)
Lợi nhuận thuần trước thuế					**14.887.926.871**
Chi phí thuế TNDN					(6.330.512.271)
Lợi nhuận sau thuế					**8.557.414.600**
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát					(1.644.576.965)
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ					**6.912.837.635**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	371.824.494.406	27.039.129.064	6.715.874.232	(10.968.547.084)	394.610.950.618
Tài sản không phân bổ					522.430.614.784
Tổng tài sản					**917.041.565.402**
Công nợ bộ phận	461.325.183.324	57.223.831.171	26.112.378.835	(33.968.547.084)	510.692.846.246
Công nợ không phân bổ					51.168.507.253
Tổng công nợ					**561.861.353.499**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Lê Thị Ngọc Anh	Nguyễn Huy Diệu
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

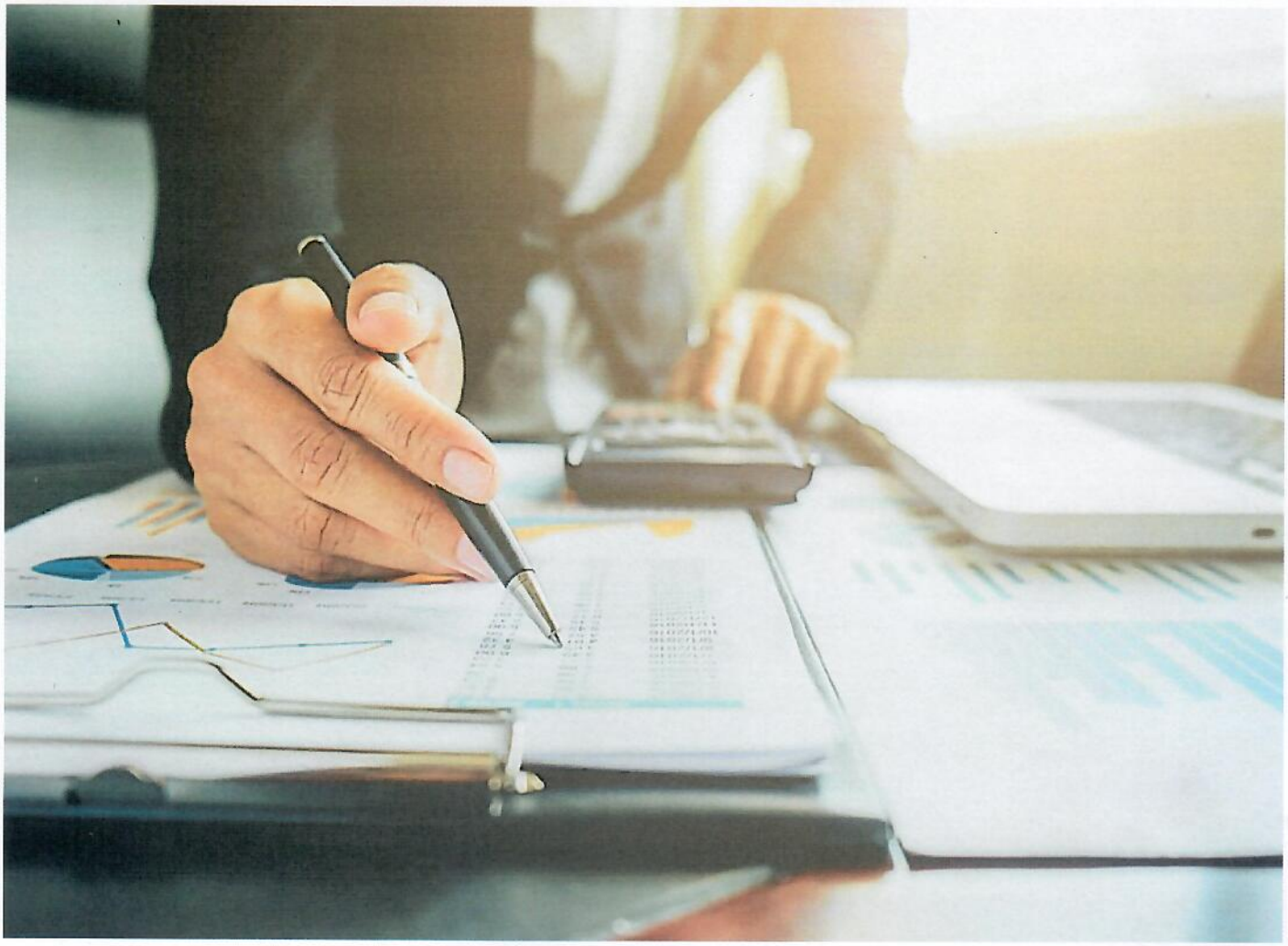

VINAFREIGHT International

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT
M.S.D.N: 0302511219 C.T.C.P
Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Diệu